FINANCE
financial data

Tài liệu

Hướng dẫn sử dụng VIETSTOCKFINANCE

DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

CÔNG CỤ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

0908 16 98 98 www.finance.vietstock.vn data@vietstock.vn

1. Giới thiệu chung **3**
1.1. Giới thiệu VietstockFinance 3
1.2. Đăng nhập hệ thống 4
1.3. Nâng cấp tài khoản 4
1.4. Bố trí ứng dụng 5
1.5. Liên hệ, giải đáp thắc mắc 5
2. Tính năng **6**
2.1. THỊ TRƯỜNG 6
2.1.1. Bản đồ thị trường 6
2.1.2. Phân tích thị trường 7
2.1.3. Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số thị trường 7
2.1.4. Bản đồ phân tích theo ngành 8
2.1.5. Tổng quan giao dịch của khối ngoại 8
2.2. VĨ MÔ 9
2.3. NGÀNH 9
2.4. DOANH NGHIỆP 10
2.4.1. Thống kê danh sách doanh nghiệp A-Z 10
2.4.2. Chi tiết thông tin của từng doanh nghiệp 11
2.4.3. Lịch sự kiện cổ tức, đại hội… 19
2.4.4. Cập nhật kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kỳ mới nhất 19
2.4.5. Tài liệu cổ đông 20
2.5. CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH 20
2.5.1. Hợp đồng tương lai (Futures, HĐTL) 20
2.5.2. Chứng quyền (Covered Warrants - CW) 25
2.6. CÔNG CỤ ĐẦU TƯ 27
2.6.1. Biểu đồ sức mạnh giá và dòng tiền (RRG) 27
2.6.2. Bảng giá trực tuyến 28
2.6.3. Bộ lọc cổ phiếu 28
2.6.4. Phân tích kỹ thuật Stockchart 30
2.6.5. Báo cáo phân tích 30
2.7. TRUY XUẤT DỮ LIỆU 31
2.7.1. Tổng hợp doanh nghiệp 31
2.7.2. Báo cáo tài chính 33
2.7.3. Báo cáo tài chính ngành 34
3. Phương pháp luận **35**
3.1. Hệ thống phân ngành 35
3.2. Chỉ số chứng khoán 35
3.3. Chỉ số tài chính 35
3.3.1. Chỉ số tài chính kỳ ngày 35
3.3.2. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (CTCP thường và CTCK) 36
3.3.3. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Bảo hiểm) 40
3.3.4. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Ngân hàng) 41
4. Về Vietstock **43**
4.1. Giới thiệu về Vietstock 43
4.2. Hoạt động kinh doanh chính 44
4.3. Sản phẩm dịch vụ 44

1. Giới thiệu chung

1.1. Giới thiệu VietstockFinance

VietstockFinance - Dữ liệu tài chính và công cụ đầu tư chứng khoán trên nền web

VietstockFinance là nền tảng dữ liệu tài chính, công cụ phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu. Cơ sở dữ liệu trên VietstockFinance mang tính toàn diện nền kinh tế - mọi góc độ doanh nghiệp được sắp xếp khoa học; thông tin chính xác, cập nhật và toàn diện. Hệ thống các tính năng và công cụ phục vụ nhu cầu phân tích đầu tư chứng khoán phù hợp khẩu vị đầu tư cho trường phái phân tích cơ bản lẫn phân tích kỹ thuật.

VietstockFinance bao phủ thông tin toàn diện hơn 1,700 doanh nghiệp niêm yết/đăng ký giao dịch trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM và doanh nghiệp đại chúng.

Với 5 cấp độ tài khoản truy cập, từ FREE, BASIC, STANDARD, PRO và PREMIUM, VietstockFinance phục vụ nhu cầu đa dạng của cộng đồng hàng triệu tài khoản nhà đầu tư trên thị trường, chuyên gia giao dịch, nhà tư vấn, môi giới và nhà phân tích.

1.2. Đăng nhập hệ thống

Để đăng nhập vào VietstockFinance, bạn thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Trên trình duyệt, truy cập vào website: https://finance.vietstock.vn/. Bấm chọn biểu tượng **Đăng nhập** bên góc phải trên cùng màn hình. VietstockFinance cung cấp 3 cách đăng nhập (VietstockID, Google, Facebook).
- Bước 2: Đăng nhập vào hệ thống: Nhập Email và Mật khẩu.
- Bước 3: Sau khi điền thông tin đăng nhập & mật khẩu, bấm chọn **Đăng nhập**.

Lưu ý: Có thể chọn **Ghi nhớ đăng nhập** để lưu thông tin cho lần đăng nhập sau.

Trường hợp chưa có tài khoản, click **Đăng ký tài khoản mới** để đăng ký VietstockID:

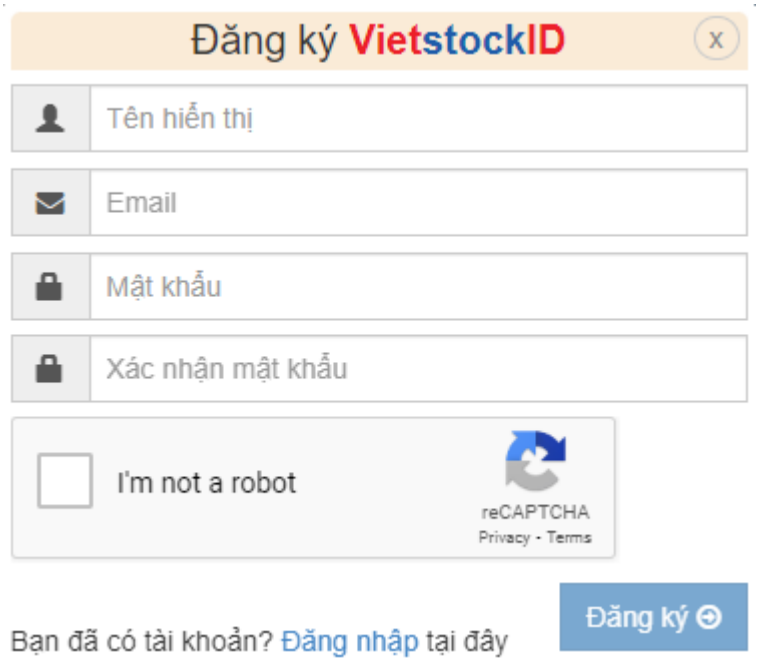

1.3. Nâng cấp tài khoản

Để nâng cấp tài khoản, bấm chọn biểu tượng Mua hàng ở góc phải màn hình và chọn gói tài khoản phù hợp với nhu cầu sử dụng.

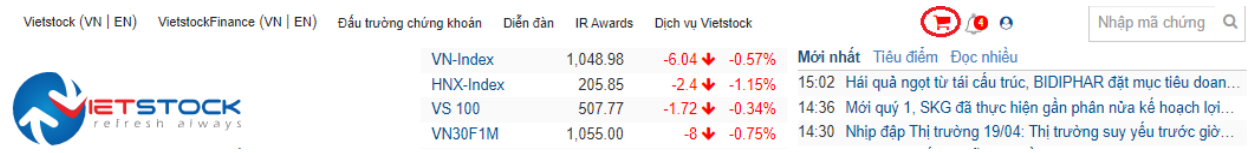

VietstockFinance cung cấp 5 gói sản phẩm, tương ứng với 5 hạng tài khoản bao gồm:

- FREE: Nhà đầu tư chưa đăng ký tài khoản, nhiều tính năng bị hạn chế truy cập
- BASIC: Đăng ký hoàn toàn miễn phí, trải nghiệm tính năng ở mức độ cơ bản
- STANDARD: Bạn đồng hành của mọi nhà đầu tư với các tính năng ở mức độ tiêu chuẩn
- PRO: Nhà đầu tư chuyên nghiệp với công cụ và truy xuất dữ liệu chuyên sâu
- PREMIUM: Đẳng cấp Doanh nghiệp với nền tảng công cụ, dữ liệu toàn diện nhất

1.4. Bố trí ứng dụng

(1) Menu chung hệ sinh thái Vietstock
(2) Nhóm: Nâng cấp tài khoản, Thông báo, Đăng nhập và quản lý tài khoản
(3) Công cụ Tìm kiếm
(4) Thanh Menu chính của VietstockFinance

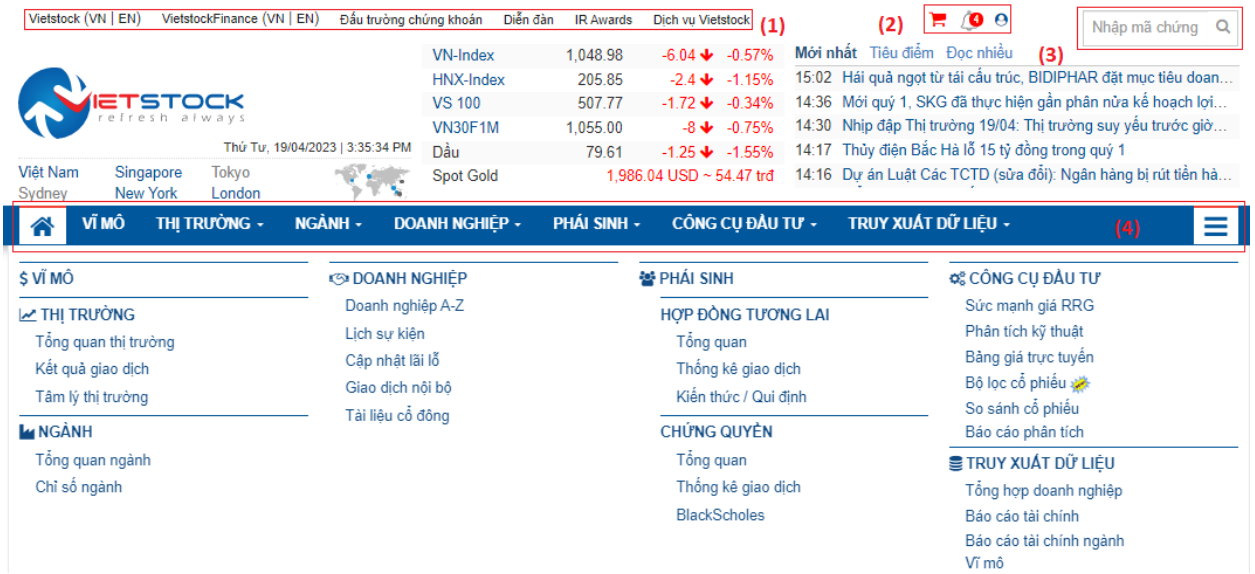

1.5. Liên hệ, giải đáp thắc mắc

Trong quá trình sử dụng VietstockFinance, nếu có bất kì câu hỏi nào liên quan đến kỹ thuật hoặc thao tác sử dụng, bạn có thể gửi yêu cầu hỗ trợ trực tiếp tới Trung tâm chăm sóc khách hàng của VietstockFinance theo thông tin sau:

- **Email:** data@vietstock.vn
- **Hotline:** **0908 16 98 98**

Ngoài ra, bạn cũng có thể click vào **Phản hồi về dữ liệu** để gửi phản hồi và thắc mắc đến bộ phận liên quan của Vietstock.

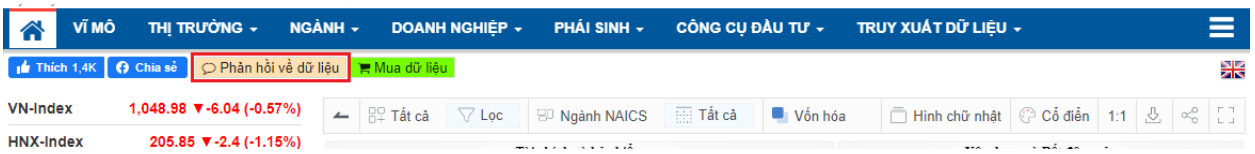

2. Tính năng

2.1. THỊ TRƯỜNG

2.1.1. Bản đồ thị trường

Bản đồ thị trường là bản đồ nhiệt (heat map) phân tích nhanh toàn cảnh thị trường về biến động giá và một số tiêu chí linh hoạt khác. Thiết kế bao gồm các khu vực thông tin:

(1) Menu điều khiển, linh hoạt lựa chọn các tiêu chí phân tích
(2) Khu vực hiển thị Biểu đồ
(3) Thông tin về thị trường hoặc mã chứng khoán bạn đang quan tâm
(4) Thống kê số mã theo phân loại về mức biến động giá
(5) Tìm kiếm mã CK giúp phóng to biểu đồ tới mã bạn quan tâm

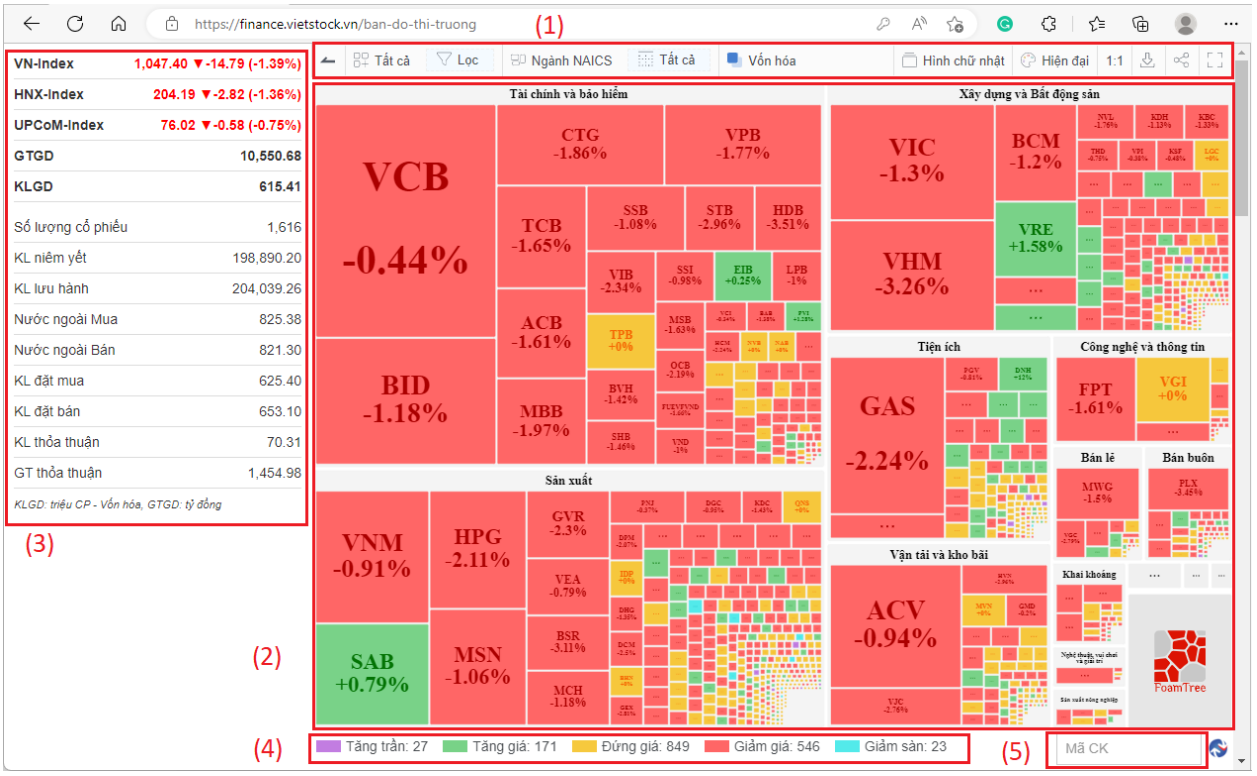

Thanh menu Bản đồ thị trường (1) có các thông số tùy chỉnh:

- **Chọn nguồn danh sách mã**: Chọn MCK theo sàn hoặc từng MCK để hiển thị
- **Phân nhóm hiển thị**: Các tùy chọn phân nhóm mã CK theo Ngành (NAICS/ VS- Sector), Sàn, Vốn hóa, Không phân nhóm; và xem chi tiết từng nhóm.
- **Chỉ tiêu phân tích**: Vốn hóa, các chỉ tiêu giá trị, khối lượng, thỏa thuận, khớp lệnh, khối ngoại, giá,... (là kích thước diện tích mỗi ô trong biểu đồ).
- **Hình dạng** mỗi ô: Hình chữ nhật, hình đa giác, hình tròn.
- **Màu sắc**: Nhiều tùy chọn tông màu.
- **Tỷ lệ**: Tỷ lệ chuẩn là 1:1. Có thể chọn 0.5, 0.25 để giảm kích thước của MCK lớn, giúp MCK nhỏ hiển thị rõ hơn.
- **Tải ảnh**: Tải ảnh về máy của bạn.
- **Chia sẻ**: Sao chép đường dẫn (copy link) để chia sẻ, Chi sẻ Facebook.
- **Xem toàn màn hình:** Giúp trải nghiệm hiển thị tối ưu nhất.

2.1.2. Phân tích thị trường

Biểu đồ phân tích biến động giá trong ngày các chỉ số thị trường Việt Nam và các chỉ số chính trên thị trường thế giới (Mỹ, Châu Âu, Châu Á).

2.1.3. Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số thị trường

Biểu đồ và danh sách top cổ phiếu về mức độ ảnh hưởng/đóng góp đến tăng/giảm của chỉ số thị trường VN-Index. Khi click vào nút mở rộng có thể tra cứu và tùy chọn thêm top cổ phiếu tác động đến các chỉ số khác HNX-Index, UPCoM-Index, VN30, HNX30.

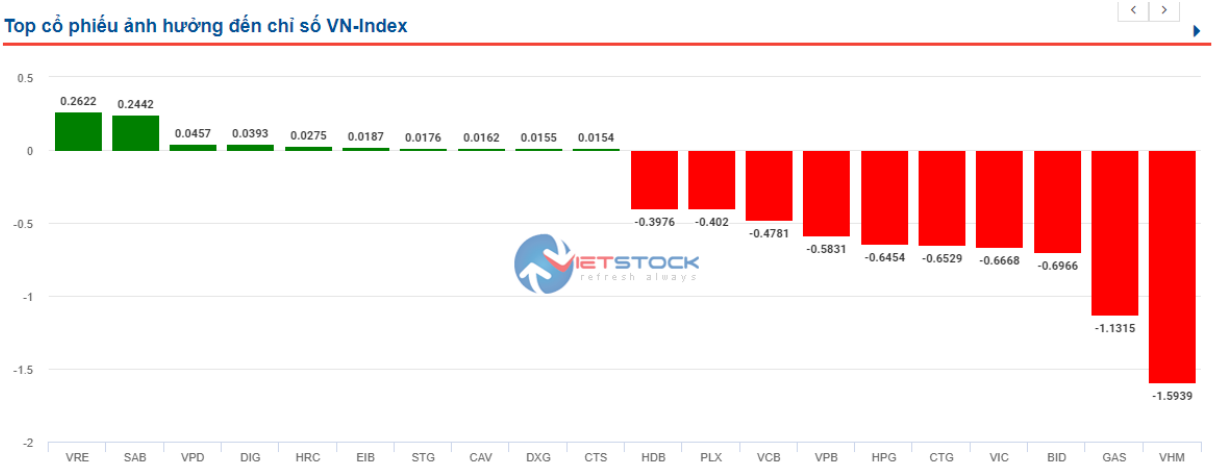

Top 10 cổ phiếu theo các tiêu tiêu chí:

- Giao dịch: Nước ngoài mua/bán, Giá trị giao dịch/bình quân 10 phiên
- Chỉ số: PE, PB, EPS và vốn hóa

Top 10 cổ phiếu

	NN mua		NN bán		GTGD	GTGD TB
STT	Mã CK	Giá trị		Giá		Thay đổi
1	STB	479,501		25,750		50 (0.19%)
2	SSI	479,158		21,400		200 (0.94%)
3	NVL	447,135		14,500		300 (2.11%)
4	DIG	419,557		16,100		-100 (-0.62%)
5	VND	418,223		14,900		50 (0.34%)
6	SHB	406,742		11,850		0 (0%)
7	HPG	363,919		20,650		0 (0%)
8	DXG	265,689		12,700		-50 (-0.39%)
9	VPB	234,002		20,400		-100 (-0.49%)
10	VCG	219,918		19,650		150 (0.77%)

NN mua: Nước ngoài mua ròng (cp), NN bán: nước ngoài bán ròng (cp), GTGD: GTGD lớn nhất (triệu đồng), GTGD TB: GTGD trung bình trong 10 phiên (triệu đồng)

Top 10 theo chỉ số

	P/E		P/B		EPS		Vốn hóa	
STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	16,900	88,300	-100 (-0.11%)	15.17	3.08	5,821	417,881
2	BID	66,300	44,550	100 (0.22%)	14.26	2.16	3,125	225,357
3	VHM	84,800	50,200	200 (0.4%)	7.58	1.47	6,621	218,589
4	VIC	140,600	52,700	-200 (-0.38%)	22.26	1.48	2,367	200,994
5	GAS	33,500	98,300	200 (0.2%)	12.85	3.08	7,649	188,141
6	VNM	145,800	72,300	-500 (-0.69%)	19.91	4.60	3,632	151,104
7	CTG	131,000	28,950	-150 (-0.52%)	8.29	1.29	3,491	139,126
8	VPB	286,600	20,400	-100 (-0.49%)	7.51	1.32	2,718	136,949
9	HPG	1,051,300	20,650	0 (0%)	14.22	1.25	1,452	120,075
10	MSN	191,200	77,400	-700 (-0.9%)	30.82	3.01	2,511	110,196

P/E thấp nhất, P/B thấp nhất, EPS lớn nhất, Vốn hóa lớn nhất (tỷ đồng)

2.1.4. Bản đồ phân tích theo ngành

Bản đồ theo nhóm ngành phân tích biến động giá theo từng ngành (hệ phân ngành VS - Sector: xem chi tiết thêm tại Hướng dẫn phân ngành).

2.1.5. Tổng quan giao dịch của khối ngoại

Thống kê giá trị và khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo dòng thời gian, giúp bạn có thể nhìn nhanh về dòng tiền mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường Việt Nam.

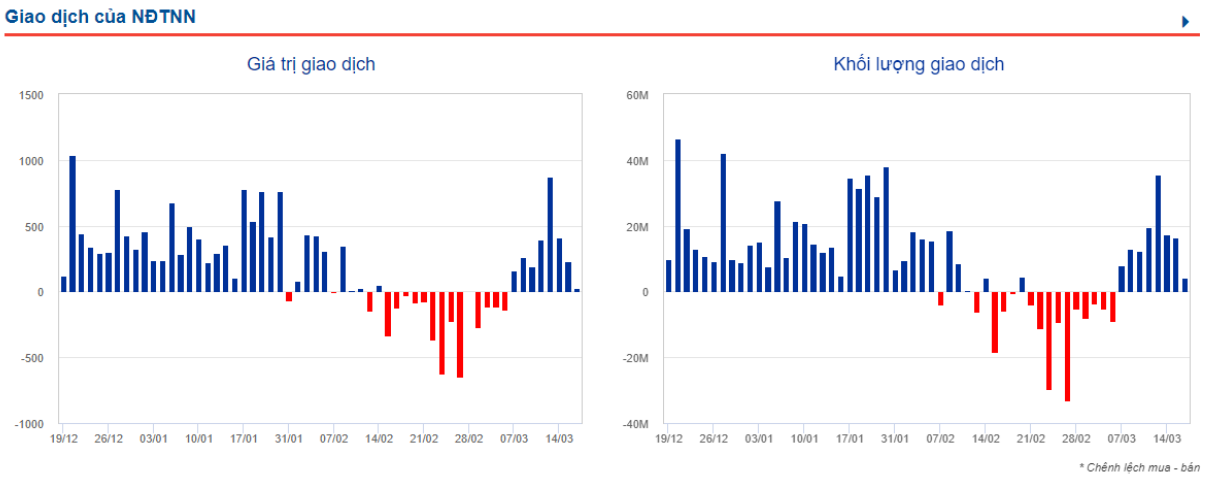

2.2. VĨ MÔ

Với góc nhìn đi từ toàn cảnh nền kinh tế đến chi tiết từng doanh nghiệp, Vĩ mô là thông tin được sắp xếp đầu tiên (từ trái qua) trên giao diện trang chủ.

Tại đây bạn sẽ khám phá toàn diện nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam mọi lĩnh vực gồm:

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP - Gross Domestic Product)
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index)
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP - Index of Industrial Production)
- Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
- Xuất nhập khẩu hàng hóa
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI - Foreign Direct Investment)
- Tín dụng: Tổng phương tiện thanh toán, Dư nợ tín dụng
- Tỷ giá - lãi suất: Tỷ giá trung tâm, lãi suất liên ngân hàng
- Dân số và lao động.

Với các dữ liệu này, bạn có thể nhanh chóng tiếp cận thông tin với các biểu đồ trực quan sinh động, linh hoạt lọc theo kỳ công bố (ngày/tháng/năm) và theo thời gian của từng lĩnh vực, xuất dữ liệu ra file excel để tùy biến sử dụng thêm theo nhu cầu cá nhân.

2.3. NGÀNH

Chi tiết hơn vào từng ngành của nền kinh tế, VietstockFinance cung cấp cho bạn thông tin về mỗi ngành nghề dưới góc nhìn từ thị trường chứng khoán.

Bạn có thể tìm thấy thông tin chỉ số chứng khoán đại diện cho từng ngành cũng mức độ tăng giảm theo thời gian, đi kèm đó là thông tin tổng khối lượng, giá trị giao dịch và nước ngoài mua bán các cổ phiếu trong từng ngành.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Ngành** >> **Chỉ số ngành**:

Quan điểm phân ngành của Vietstock là lựa chọn tiêu chuẩn NAICS 2007 (The North American Industry Classification System) vì tính phổ biến, bao quát cao, được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế, có nhiều điểm tương đồng với hệ thống phân ngành VSIC 2007 của Việt Nam, và có trật tự logic cao trong việc sắp xếp thứ tự ngành.

2.4. DOANH NGHIỆP

2.4.1. Thống kê danh sách doanh nghiệp A-Z

Doanh nghiệp A-Z thống kê danh sách sách đầy đủ các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, HNX, đăng ký giao dịch trên UPCOM và cả các doanh nghiệp chưa niêm yết theo nhiều đặc tính của chứng khoán.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp** >> **Doanh nghiệp A-Z**

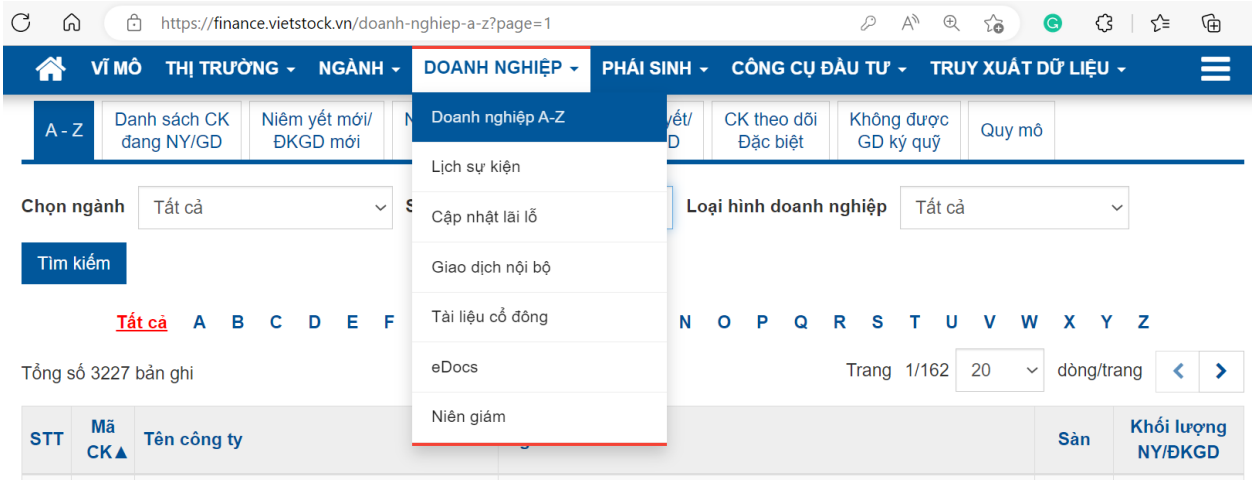

Doanh nghiệp A-Z cung cấp danh sách mã từ đầy đủ (A-Z) đến chi tiết từng đặc tính của chứng khoán: Đang niêm yết, Niêm yết mới, Hủy niêm yết, Theo dõi đặc biệt, Không được giao dịch ký quỹ, Quy mô niêm yết.

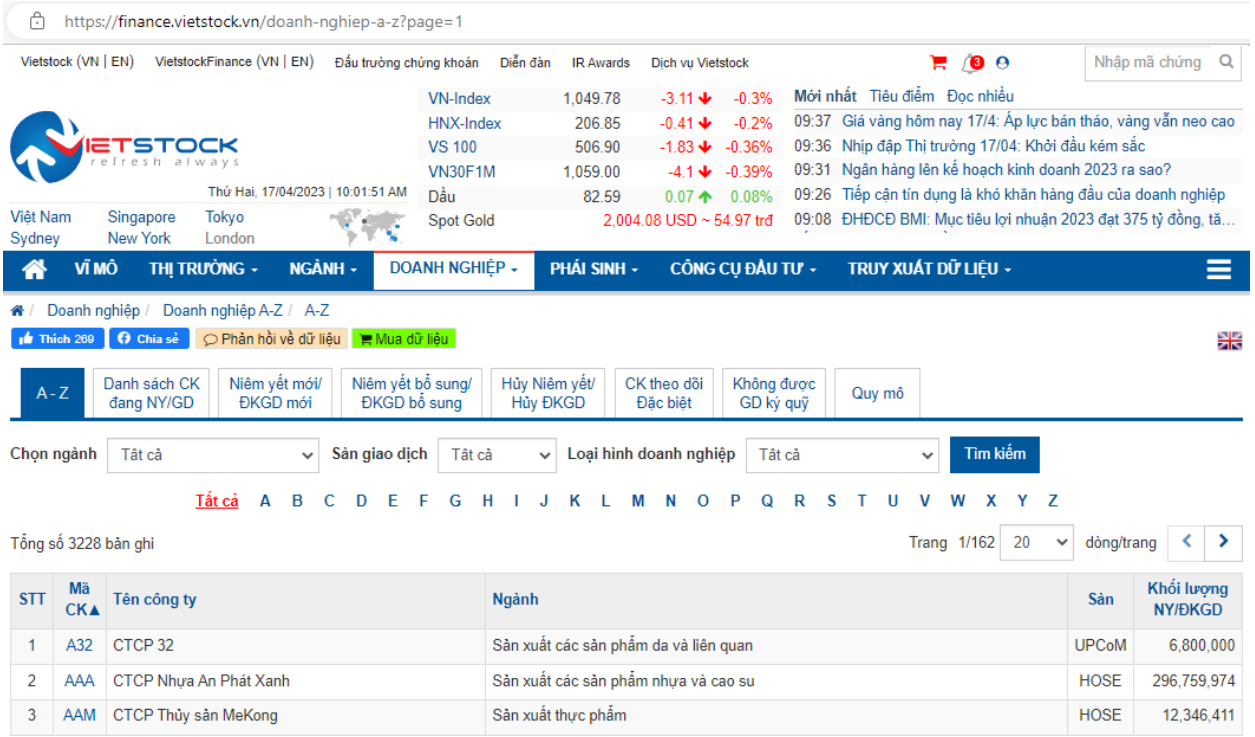

2.4.2. Chi tiết thông tin của từng doanh nghiệp

Để truy cập vào trang chi tiết doanh nghiệp, bạn thực hiện một trong các cách sau:

- Click vào ô tìm kiếm trên VietstockFinance hoặc Vietstock >> Nhập mã CK
- Vào **Doanh nghiệp A-Z** >> Click vào Mã CK
- Bất cứ nơi nào trên Vietstock có Mã CK gắn link> Click vào link Mã CK

Thông tin Chi tiết doanh nghiệp trình bày được chia thành các nhóm:

• Tổng quan • Thống kê giao dịch • Phân tích kỹ thuật	• Tài chính • Hồ sơ doanh nghiệp • Tin tức & Sự kiện	• DN cùng ngành • Tài liệu • Giao dịch nội bộ

Thông tin chung về cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu và phân ngành (gồm 3 cấp theo Hệ thống phân ngành NAICS).
- Thông tin: Giao dịch ký quỹ, thuộc rổ FTSE Vietnam ETF/VNM ETF/VN30/HNX30
- Giá realtime, các chỉ số realtime/theo ngày và
- Biểu đồ giá chứng khoán.
- Logo và thông tin tóm tắt về doanh nghiệp.

Tổng quan: Tóm tắt thông tin quan trọng về Thống kê giao dịch, Tài chính, Chỉ tiêu kế hoạch, Sự kiện cổ tức, thưởng, phát hành thêm, Doanh nghiệp cùng ngành, Báo cáo phân tích, Tỷ lệ cho vay ký quỹ, Tài liệu cổ đông, Thông tin cơ bản.

Thống kê giao dịch: Cung cấp các thông tin:

- Chi tiết khớp lệnh theo lô trong ngày: dữ liệu và biểu đồ.
- Dữ liệu giao dịch khớp lệnh, thỏa thuận, nước ngoài theo ngày.
- Biến động giá giao dịch.
- Khối lượng giao dịch bình quân.
- Thống kê theo kỳ: Tháng/Quý/Năm.

Phân tích kỹ thuật: là biểu đồ phân tích giá, khối lượng, các chỉ báo phân tích kỹ thuật.

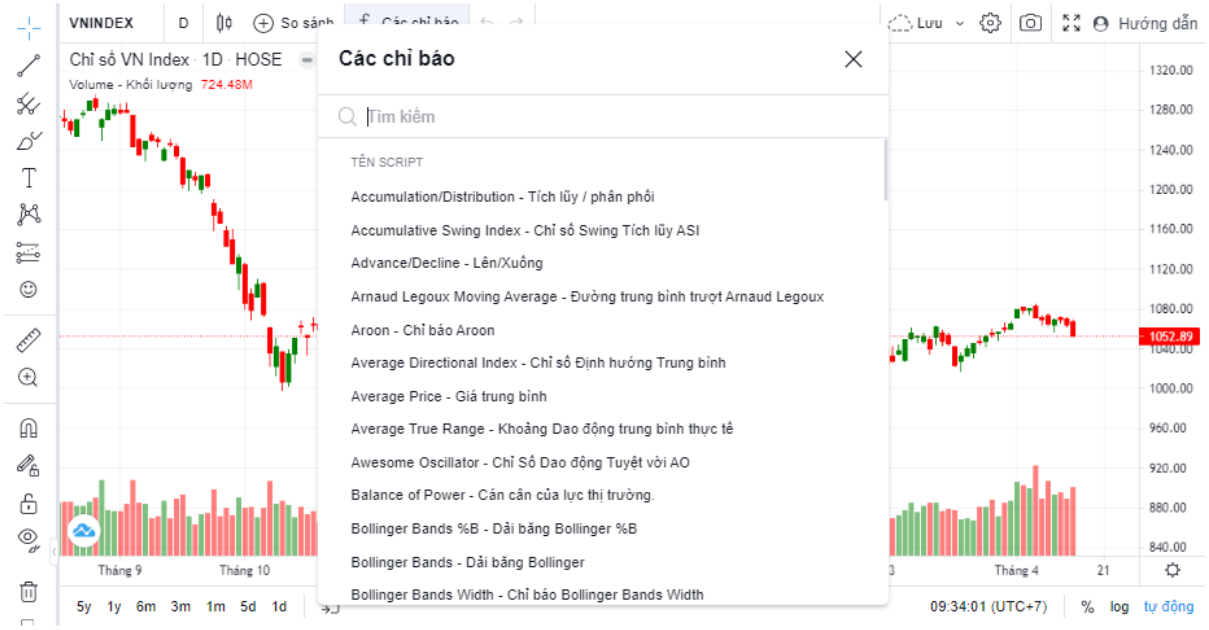

Tài chính:

Những con số tài chính doanh nghiệp được trực quan hóa thông qua các biểu đồ, dữ liệu tài chính được nâng cấp toàn diện với nhiều tùy chọn để phân tích, bao gồm các thông tin: Biểu đồ, BCTC tóm tắt, Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ, Chỉ số tài chính, Chỉ tiêu kế hoạch.

a. **Biểu đồ:** Công cụ phân tích sức khỏe tài chính của doanh nghiệp.
   - Trang mặc định hiển thị sẵn 9 biểu đồ, thể hiện sự thay đổi sức khỏe tài chính của doanh nghiệp theo thời gian một cách trực quan: Tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận, biên lợi nhuận, định giá, dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn, tài sản, nguồn vốn, cấu trúc tài sản.
   - Nhà đầu tư có thể cá nhân hóa các biểu đồ theo nhu cầu riêng; vẽ mới các biểu đồ với các chỉ tiêu, màu sắc hay số kỳ tùy chọn.

Các thao tác với Biểu đồ

- Thêm trang biểu đồ mới: Click dấu **+** để tạo thêm trang
- Thêm biểu đồ vào trang
  - ❖ Bước 1: Vào **Danh mục biểu đồ** chọn biểu đồ có sẵn
  - ❖ Bước 2: Click **Cập nhật vào trang** để đưa biểu đồ vào trang hiện hành.

Cách tạo biểu đồ mới:

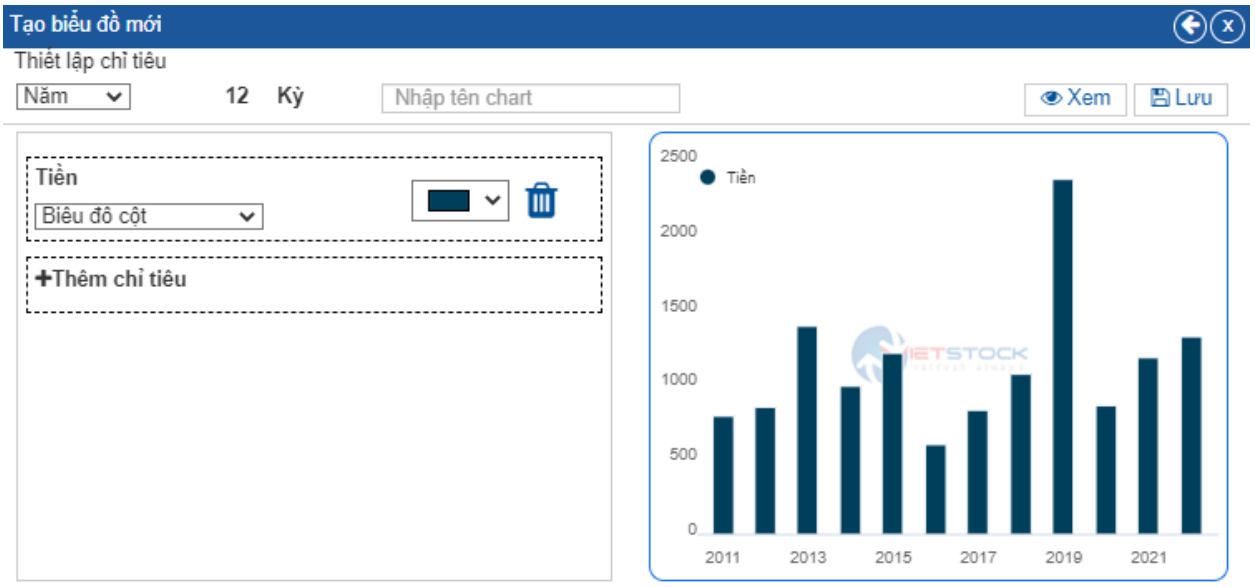

- Bước 1: Vào trang biểu đồ
- Bước 2: Thiết lập cho biểu đồ
  - ❖ Chọn Kỳ Năm/Quý/6 tháng/9 tháng, chọn số kỳ
  - ❖ Thêm chỉ tiêu
  - ❖ Chọn loại biểu đồ, chọn màu sắc biểu đồ
  - ❖ Bấm Xem, nếu chưa ưng ý có thể lặp lại các bước trên,
- Bước 3: Nhập tên Biểu đồ, Bấm Lưu

Sửa trang:

- Bấm Sửa trang
- Thay đổi vị trí biểu đồ theo ý thích, xóa biểu đồ theo nhu cầu
- Lưu sửa đổi

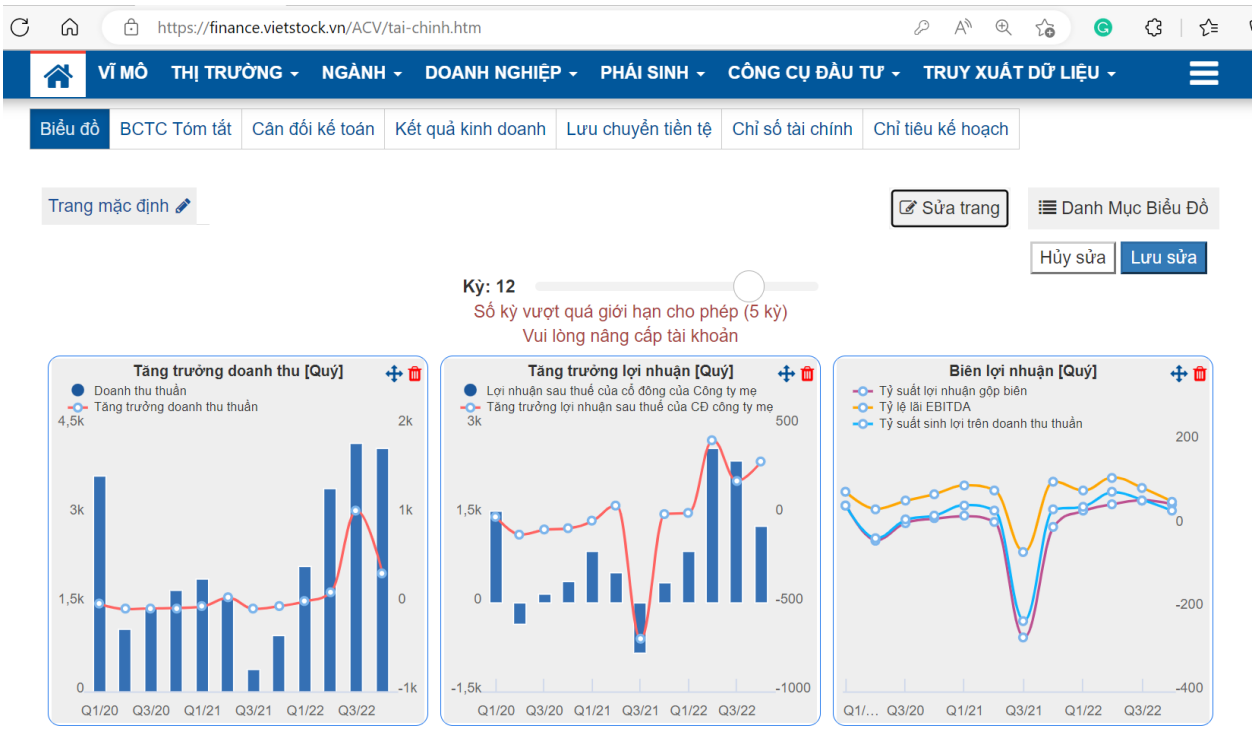

b. **BCTC Tóm tắt:** Xem nhanh các chỉ tiêu chính trên Báo cáo tài chính và chỉ số tài chính của doanh nghiệp

c. **Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ**

Thông tin chi tiết về các bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ trong báo cáo tài chính với các tùy chọn:

- Số kỳ xem, Loại kỳ dữ liệu: Năm, Quý, 9 tháng, 6 tháng
- Đơn vị tính: Nghìn, Triệu, Tỷ đồng
- Thuộc tính kiểm toán: Đã kiểm toán, Soát xét, Chưa kiểm toán
- Thuộc tính hợp nhất: Hợp nhất, Công ty mẹ
- Loại niên độ: Năm tài chính, Năm dương lịch

Các thông tin về BCTC:

- Giai đoạn dữ liệu:
- Thông tin hợp nhất
- Thông tin kiểm toán
- Công ty kiểm toán
- Ý kiến kiểm toán

Xuất dữ liệu:

- Sao chép dữ liệu vào bộ nhớ tạm
- Xuất Excel

d. Chỉ số tài chính:

Cung cấp chỉ số tài chính của doanh nghiệp phân chia theo các nhóm chỉ số:

• Định giá • Sinh lợi • Tăng trưởng	• Thanh khoản • Hiệu quả hoạt động • Đòn bẩy tài chính	• Dòng tiền • Cơ cấu chi phí • Cơ cấu tài sản

e. Chỉ tiêu kế hoạch

Bạn có thể biết được doanh nghiệp đặt kế hoạch kinh doanh hàng năm, cập nhật tình hình đạt kế hoạch năm gần nhất … ở ngay ngoài trang chi tiết của một MCK.

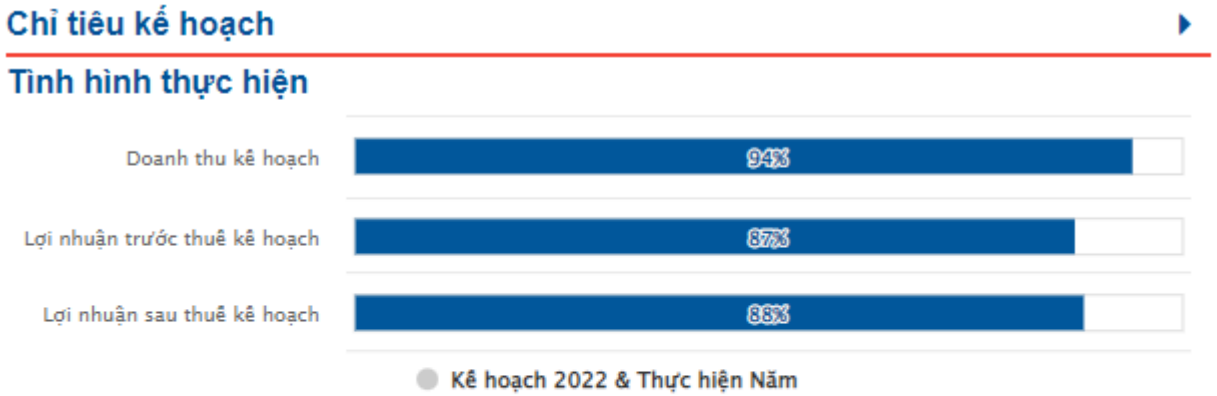

Chỉ tiêu kế hoach các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu kế hoạch	64,070,000	62,160,000	59,600,000	56,300,000
Lợi nhuận trước thuế kế hoạch	12,000,000	13,690,000	13,000,000	12,650,000

Ngoài ra, bạn có thể xuất dữ liệu của mã đang quan sát hoặc lựa chọn truy xuất nâng cao để có thể thu thập dữ liệu kế hoạch kinh doanh của nhiều mã quan tâm khác.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Truy xuất dữ liệu >> Tổng hợp doanh nghiệp >> Báo cáo tài chính >> Chỉ tiêu kế hoạch**

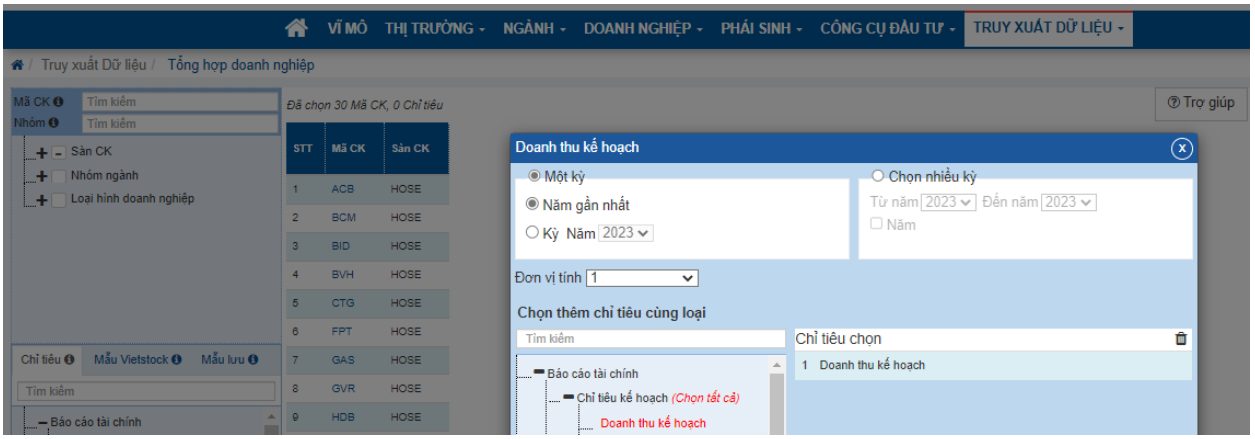

Hồ sơ doanh nghiệp

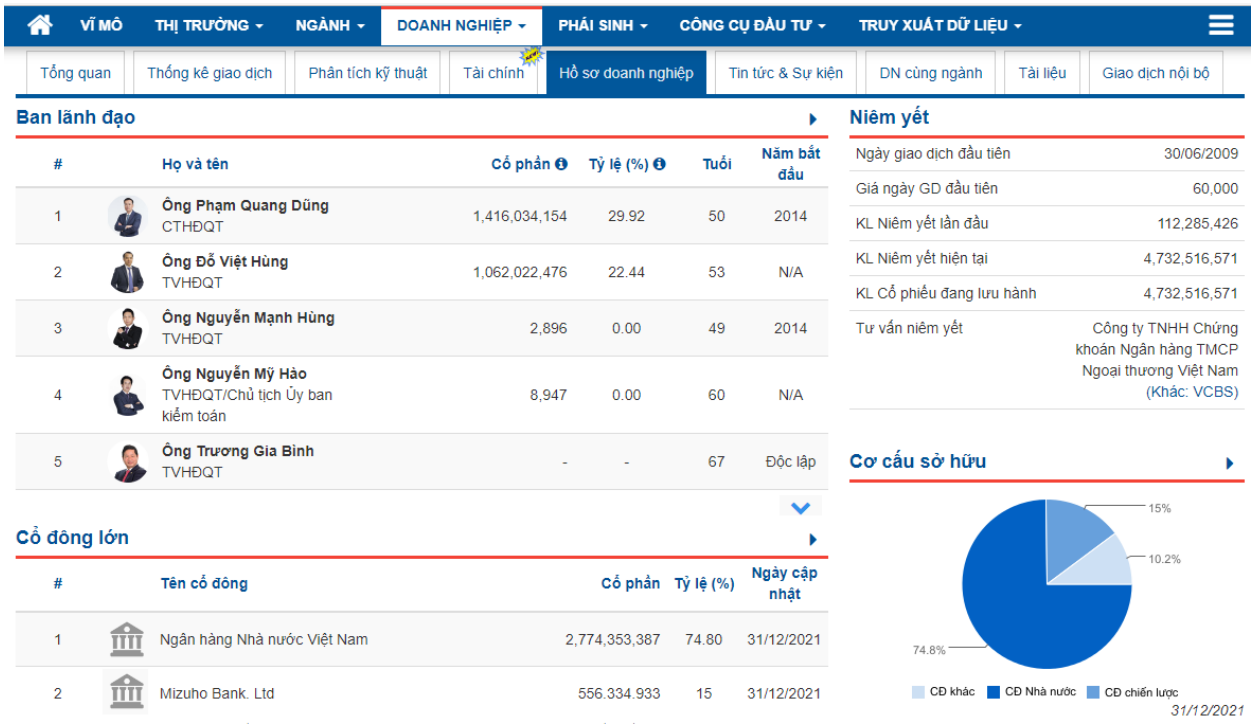

Hồ sơ doanh nghiệp bao gồm các thông tin:

• Ban lãnh đạo • Cổ đông lớn • Công ty con, liên kết • Vị thế • Chiến lược • Dự án • Triển vọng • Rủi ro kinh doanh • Sản phẩm dịch vụ	• Thông tin niêm yết • Cơ cấu sở hữu • Tổ chức kiểm toán • Thay đổi vốn điều lệ • Đại diện pháp luật • Đại diện công bố thông tin • Cơ cấu lao động • Thông tin thành lập

Tin tức & sự kiện

Mục Tin tức & Sự kiện cung cấp toàn diện các Tin tức và Sự kiện đáng chú ý của doanh nghiệp kèm thêm biểu đồ trực quan thể hiện giá cổ phiếu cùng mốc đánh dấu các sự kiện cổ tức, phát hành… của từng công ty.

Trong đó, Tin tức được phân loại chuyên nghiệp với nhiều lựa chọn theo từng mã cổ phiếu hoặc doanh nghiệp cùng ngành, theo các chuyên mục Kết quả - Kế hoạch kinh doanh, Cổ tức, Giao dịch cổ đông… Tương tự Lịch sự kiện cũng được phân loại khoa học theo từng loại của một doanh nghiệp (cổ tức tiền mặt, cổ tức cổ phiếu, phát hành, đại hội…) hoặc xem nhanh cho nhiều doanh nghiệp trong cùng ngành.

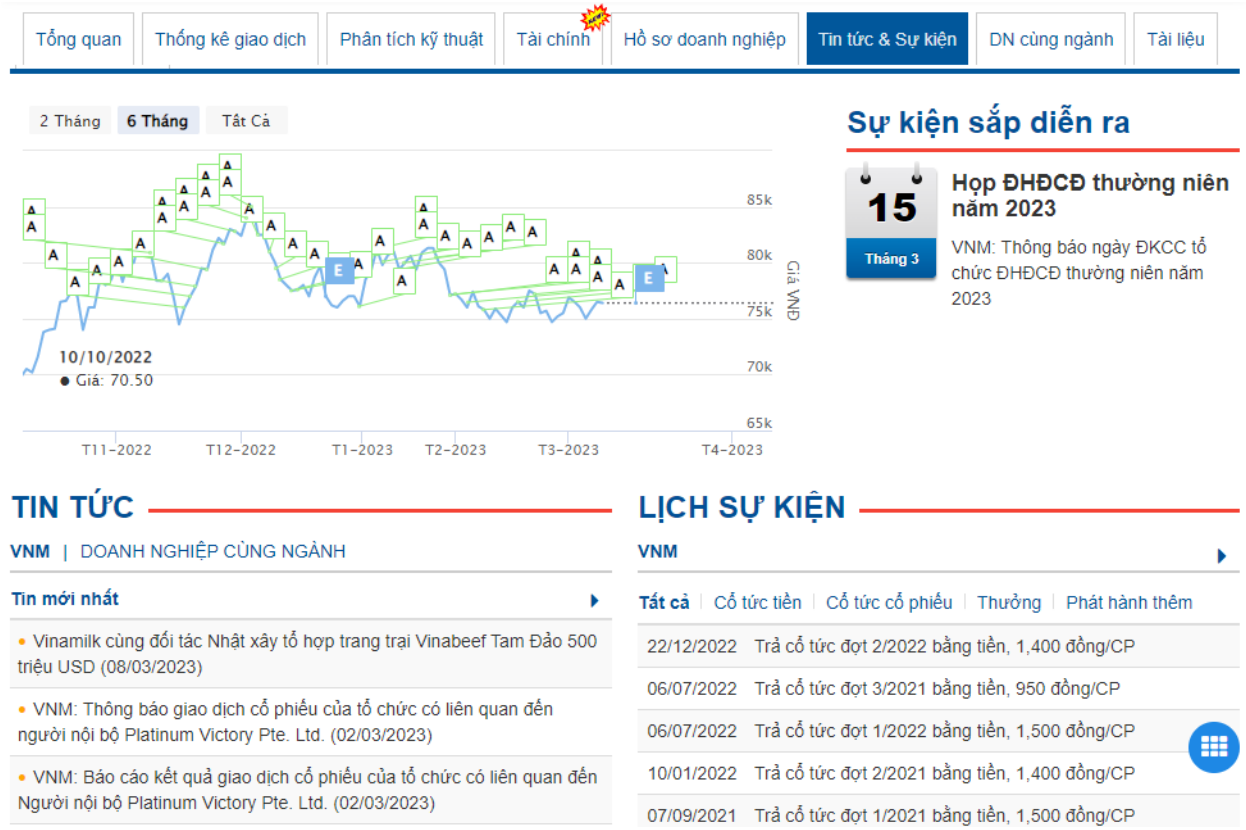

Doanh nghiệp cùng ngành

Thông tin so sánh về các doanh nghiệp trong cùng ngành với MCK đang xem, có thể linh hoạt lựa chọn các tiêu chí:

- Sàn giao dịch
- Thời gian (chọn ngày dữ liệu)
- Tiêu chí về Giá đóng cửa/Cao nhất/Thấp nhất… lớn hơn/nhỏ hơn mức nào đó
- Xem dạng bảng hoặc Xem biểu đồ tần suất
- Chọn số dòng hiển thị

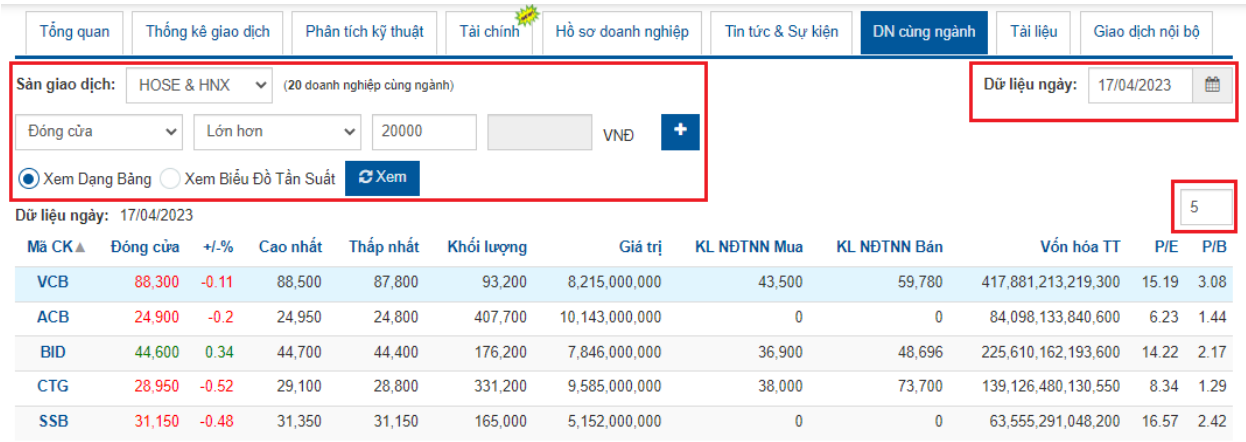

Mã CK	Đóng cửa	+/-%	Cao nhất	Thấp nhất	Khối lượng	Giá trị	KL NĐTNN Mua	KL NĐTNN Bán	Vốn hóa TT	P/E	P/B
VCB	88,300	-0.11	88,500	87,800	93,200	8,215,000,000	43,500	59,780	417,881,213,219,300	15.19	3.08
ACB	24,900	-0.2	24,950	24,800	407,700	10,143,000,000	0	0	84,098,133,840,600	6.23	1.44
BID	44,600	0.34	44,700	44,400	176,200	7,846,000,000	36,900	48,696	225,610,162,193,600	14.22	2.17
CTG	28,950	-0.52	29,100	28,800	331,200	9,585,000,000	38,000	73,700	139,126,480,130,550	8.34	1.29
SSB	31,150	-0.48	31,350	31,150	165,000	5,152,000,000	0	0	63,555,291,048,200	16.57	2.42

Tài liệu

Tài liệu được phân loại theo: Loại tài liệu (Báo cáo tài chính, Nghị quyết HĐQT, Giải trình KQKD, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên, Nghị quyết ĐHCĐ, Tài liệu ĐHCĐ, Bản cáo bạch, Tỷ lệ vốn khả dụng, Tài liệu khác) và Kỳ báo cáo (Năm cụ thể).

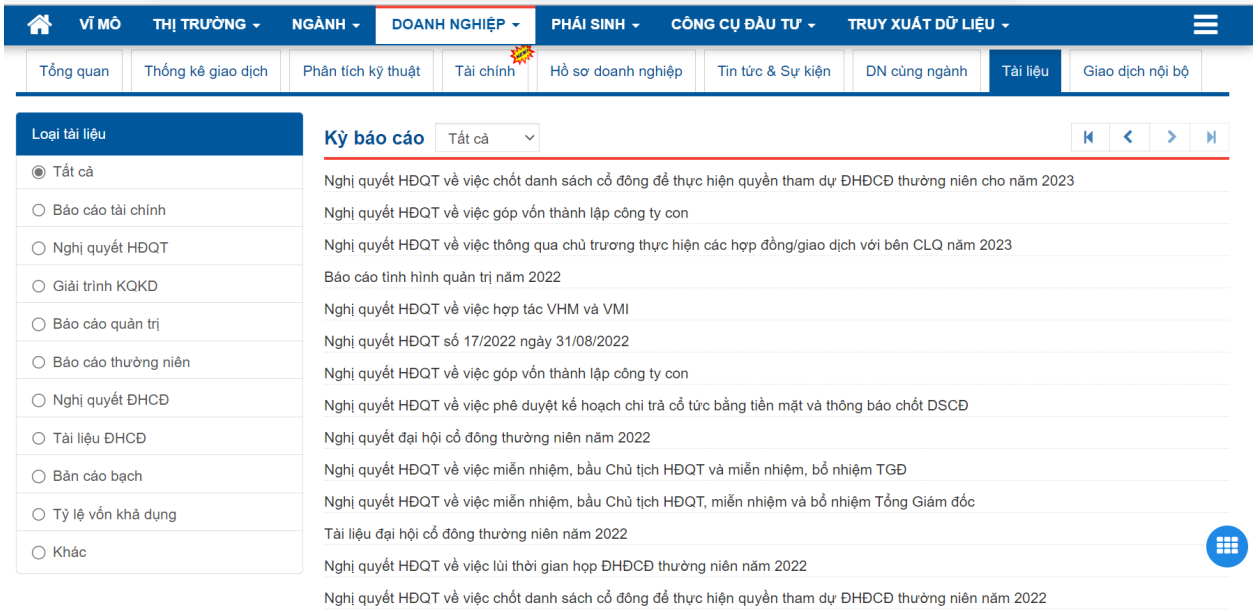

Giao dịch nội bộ: Bao gồm thông tin giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, giao dịch của người có liên quan, giao dịch cổ đông lớn và giao dịch cổ phiếu quỹ.

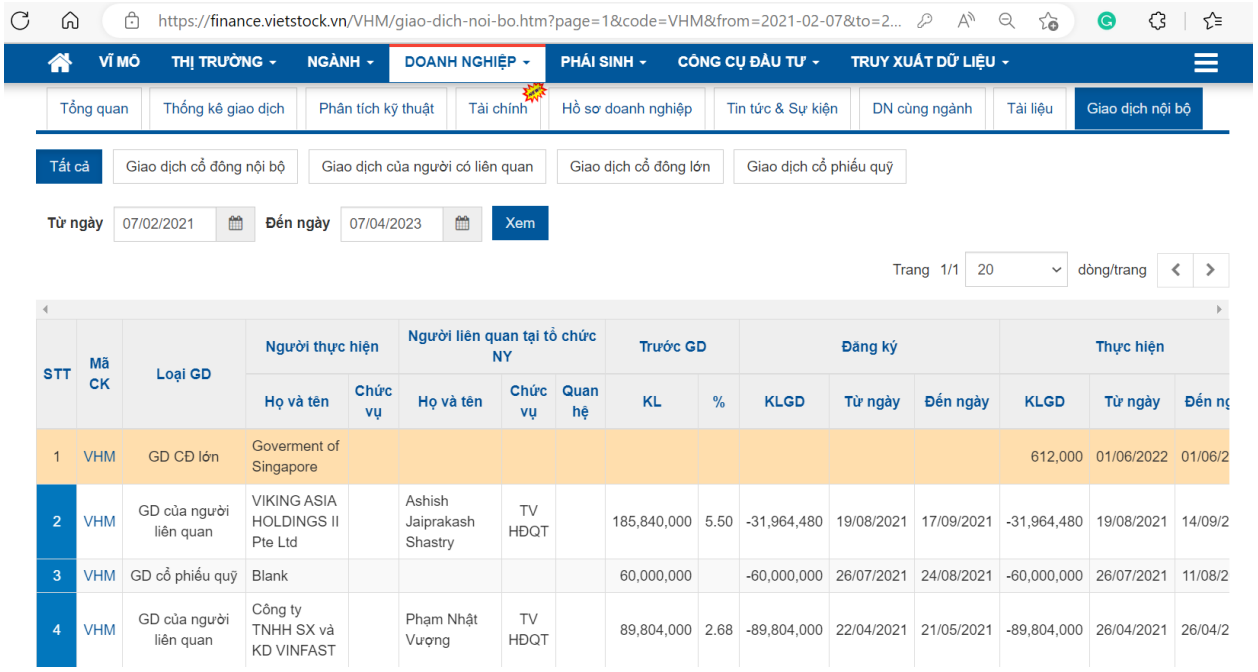

STT	Mã CK	Loại GD	Người thực hiện		Người liên quan tại tổ chức NY			Trước GD		Đăng ký			Thực hiện		
			Họ và tên	Chức vụ	Họ và tên	Chức vụ	Quan hệ	KL	%	KLGD	Từ ngày	Đến ngày	KLGD	Từ ngày	Đến ng
1	VHM	GD CĐ lớn	Goverment of Singapore										612,000	01/06/2022	01/06/2
2	VHM	GD của người liên quan	VIKING ASIA HOLDINGS II Pte Ltd		Ashish Jaiprakash Shastry	TV HĐQT		185,840,000	5.50	-31,964,480	19/08/2021	17/09/2021	-31,964,480	19/08/2021	14/09/2
3	VHM	GD cổ phiếu quỹ	Blank					60,000,000		-60,000,000	26/07/2021	24/08/2021	-60,000,000	26/07/2021	11/08/2
4	VHM	GD của người liên quan	Công ty TNHH SX và KD VINFAST		Phạm Nhật Vượng	TV HĐQT		89,804,000	2.68	-89,804,000	22/04/2021	21/05/2021	-89,804,000	26/04/2021	26/04/2

2.4.3. Lịch sự kiện cổ tức, đại hội…

Lịch sự kiện thống kê sự kiện doanh nghiệp của tất cả các mã chứng khoán trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCOM bao gồm Niêm yết; Cổ tức, thưởng và phát hành thêm, Đại hội đồng cổ đông, Giao dịch nội bộ..

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >> Lịch sự kiện**

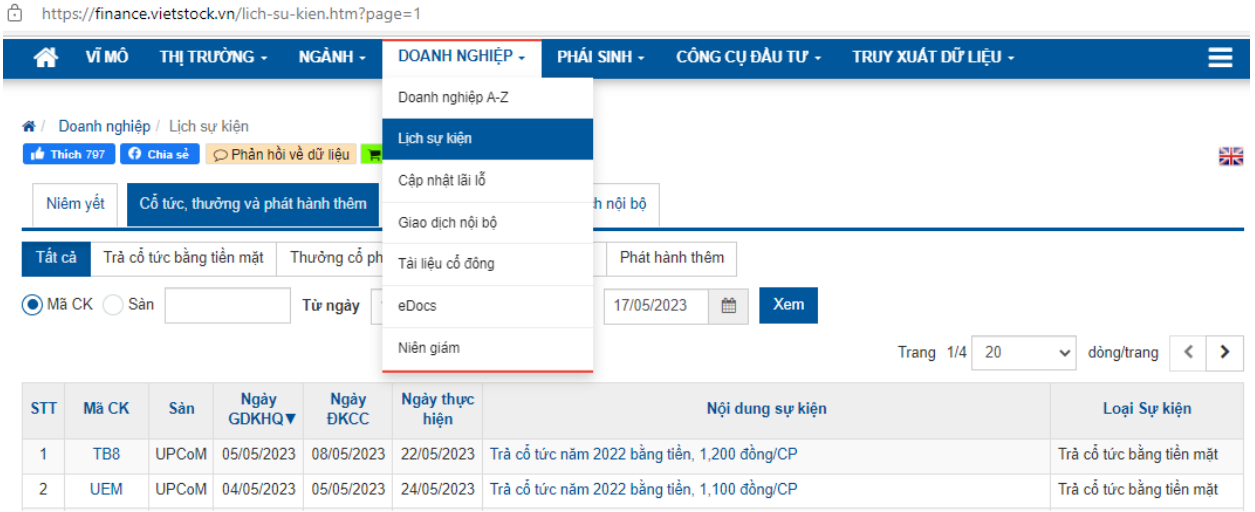

Tại đây có thể tùy chọn:

- Loại sự kiện: Niêm yết; Cổ tức, thưởng và phát hành thêm; Đại hội cổ đông, Giao dịch nội bộ
- Mã CK chi tiết hoặc Sàn
- Thời gian tra cứu

2.4.4. Cập nhật kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kỳ mới nhất

Thống kê nhanh lãi lỗ trong kết quả kinh doanh tại kỳ báo cáo tài chính gần nhất của các doanh nghiệp. Có thể linh hoạt chọn Sàn, Ngành hoặc chi tiết MCK đang quan tâm.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >> Cập nhật lãi lỗ**

2.4.5. Tài liệu cổ đông

Tài liệu đại hội cổ đông có thể lựa chọn loại báo cáo, kỳ thời gian, sàn/MCK:

• Báo cáo tài chính • Giải trình KQKD	• Báo cáo quản trị • Báo cáo thường niên	• Nghị quyết ĐHĐCĐ • Tài liệu ĐHĐCĐ

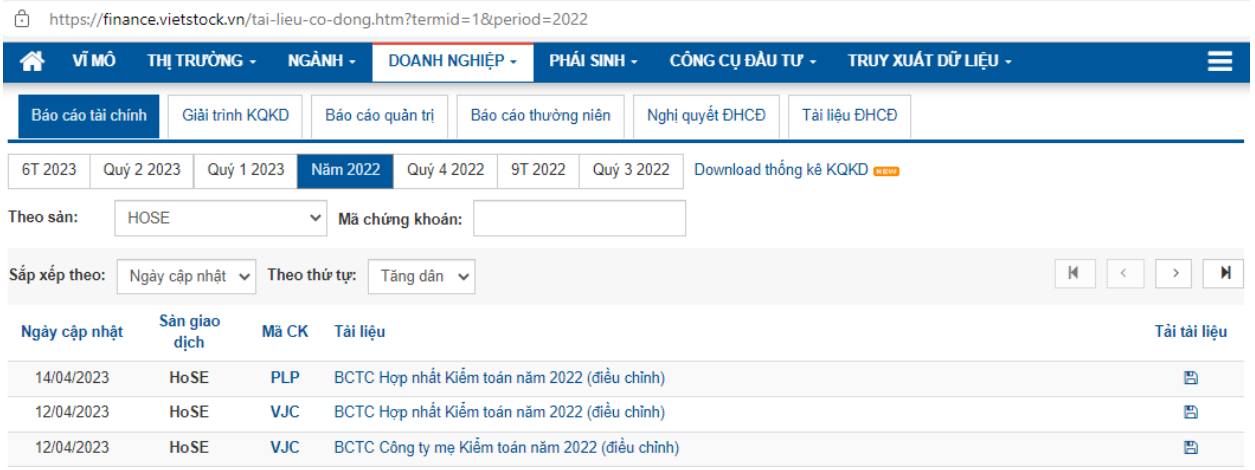

Thao tác sử dụng: Vào menu **Doanh nghiệp >>** [Tài liệu cổ đông]

2.5. CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

2.5.1. Hợp đồng tương lai (Futures, HĐTL)

a. Tổng quan:

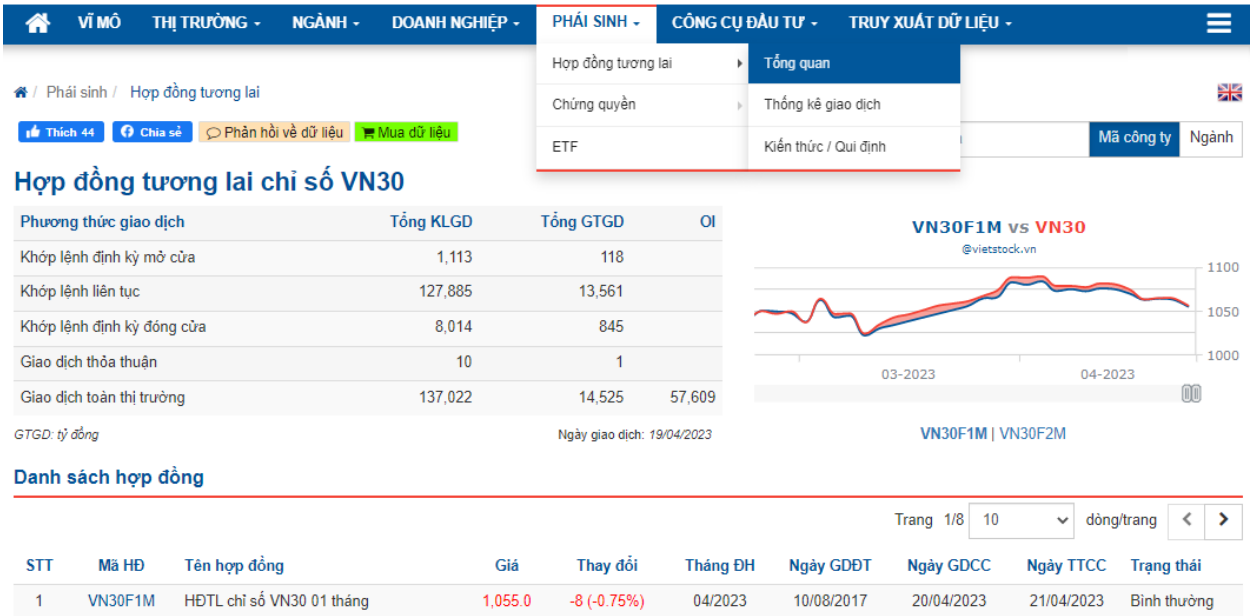

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >>** [Tổng quan]

Tab Tổng quan cung cấp thông tin chung về hợp đồng tương lai chỉ số VN30, gồm:

- Tổng hợp giao dịch và biểu đồ VN30F1M và VN30
- Danh sách hợp đồng tương lai
- Cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số VN30
- Tin tức thị trường chứng khoán phái sinh
- Tin tức về các cổ phiếu trong rổ VN30
- Các thông tin/đặc điểm của hợp đồng tương lai chỉ số VN30
- Thị phần môi giới

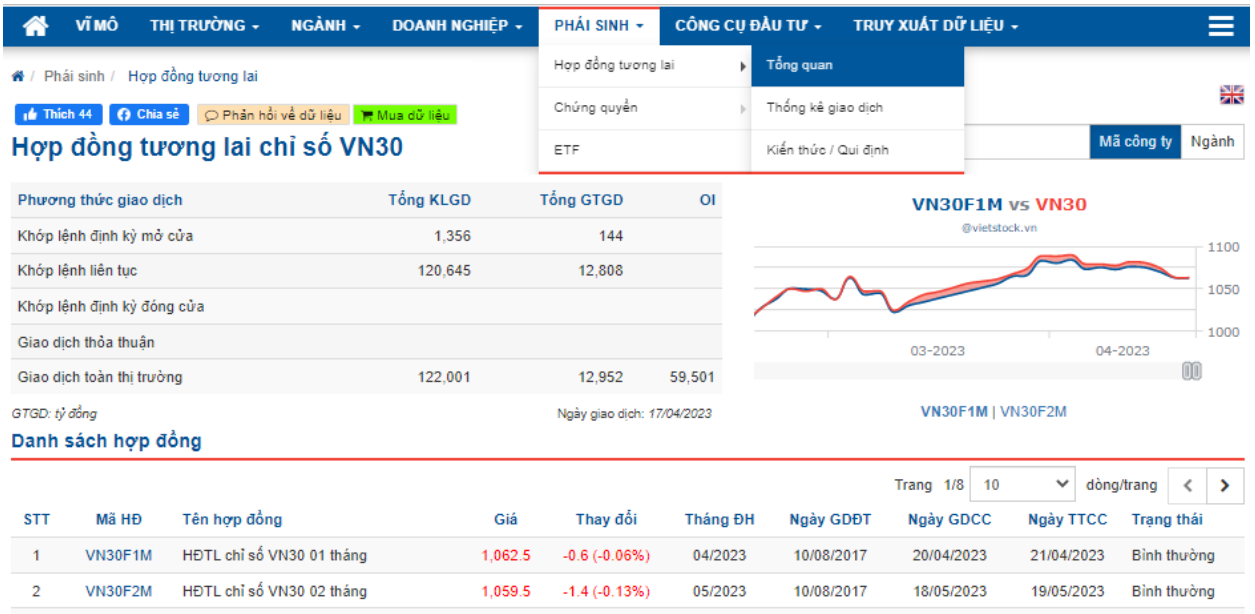

Phương thức giao dịch	Tổng KLGD	Tổng GTGD	OI
Khớp lệnh định kỳ mở cửa	1,356	144	
Khớp lệnh liên tục	120,645	12,808	
Khớp lệnh định kỳ đóng cửa			
Giao dịch thỏa thuận			
Giao dịch toàn thị trường	122,001	12,952	59,501

STT	Mã HĐ	Tên hợp đồng	Giá	Thay đổi	Tháng ĐH	Ngày GDĐT	Ngày GDCC	Ngày TTCC	Trạng thái
1	VN30F1M	HĐTL chỉ số VN30 01 tháng	1,062.5	-0.6 (-0.06%)	04/2023	10/08/2017	20/04/2023	21/04/2023	Bình thường
2	VN30F2M	HĐTL chỉ số VN30 02 tháng	1,059.5	-1.4 (-0.13%)	05/2023	10/08/2017	18/05/2023	19/05/2023	Bình thường

b. **Thống kê giao dịch:** Thống kê thông tin giao dịch của các mã HĐTL toàn thị trường theo thời gian được chọn.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >>** [Thống kê giao dịch]

STT	Ngày	Mã CK	Tham chiếu	Mở cửa	Đóng cửa	Cao nhất	Thấp nhất	Giá thanh toán	Thay đổi		GD Khớp lệnh		GD thỏa thuận		OI
									+/-	%	KL	GT	KL	GT	
1	17/04/2023	VN30F2309	1,056.9	1,056.9	1,055.6	1,056.9	1,051.1	1,055.6	-1.3	-0.12	56	0	0	0	308
2	17/04/2023	VN30F2306	1,058.2	1,058.0	1,057.5	1,058.8	1,053.1	1,057.5	-0.7	-0.07	60	0	0	0	1,096
3	17/04/2023	VN30F2305	1,060.9	1,060.6	1,059.8	1,061.2	1,055.7	1,059.8	-1.1	-0.10	4,270	0	0	0	5,682

c. Kiến thức/ Quy định

Kiến thức là kiến thức cơ bản về HĐTL bao gồm định nghĩa cơ bản, tài sản cơ sở, so sánh với chứng khoán cơ sở, quy trình giao dịch, hoạt động ký quỹ…

Thao tác sử dụng: Vào menu **Phái sinh >> Hợp đồng tương lai >>** [Kiến thức/Quy định]

Quy định bao gồm quy định chi tiết về giao dịch HĐTL áp dụng tại thị trường Việt Nam:

Kiến thức | **Qui định**

STT	Đặc điểm	Mô tả chi tiết
1	Tên hợp đồng	Hợp đồng tương lai chỉ số VN30
2	Mã hợp đồng	Theo quy ước xác định của HNX, ví dụ VN30F1709
3	Tài sản cơ sở	Chỉ số VN30
4	Quy mô hợp đồng	100.000 đồng x điểm chỉ số VN30
5	Hệ số nhân hợp đồng	100,000 VND
6	Tháng đáo hạn	Tháng hiện tại, tháng kế tiếp, hai tháng cuối 02 quý tiếp theo. Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 4. Các tháng đáo hạn là tháng 4, tháng 5, tháng 6 và tháng 9.

d. Chi tiết MCK hợp đồng tương lai

Cách truy cập thông tin chi tiết của một mã HĐTL:

- Bấm chọn mã HĐTL cần xem tại Danh sách hợp đồng
- Tại ô tìm kiếm gõ tên mã HĐTL cần tra cứu

Thông tin chi tiết về một mã HĐTL bao gồm:

- Giá giao dịch và chỉ số realtime trong ngày (1)
- Biểu đồ giá (2)
- Thanh menu phân loại thông tin: Tổng quan, Thống kê giao dịch, Cổ phiếu ảnh hưởng, Phân tích kỹ thuật, Tin tức (3)

Tổng quan: Cung cấp thông tin chung về mã HĐTL gồm Thống kê giao dịch, Thông tin cơ bản, Danh sách hợp đồng đang hoạt động, Thị phần môi giới HĐTL, Tin tức.

Thống kê giao dịch: Thống kê chi tiết dữ liệu giao dịch của mã HĐTL theo thời gian.

Cổ phiếu ảnh hưởng: Chi tiết thông tin các cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm điểm của chỉ số VN30, bao gồm dữ liệu cụ thể về tỷ trọng và % ảnh hưởng trong rổ.

Phân tích kỹ thuật: Linh hoạt lựa chọn mã HĐTL, các chỉ báo phân tích kỹ thuật, so sánh với mã HĐTL khác. Dữ liệu có thể được lưu và cá nhân hóa sử dụng.

Tin tức: Bao gồm tin tức về thị trường phái sinh và của các MCK nằm trong rổ VN30.

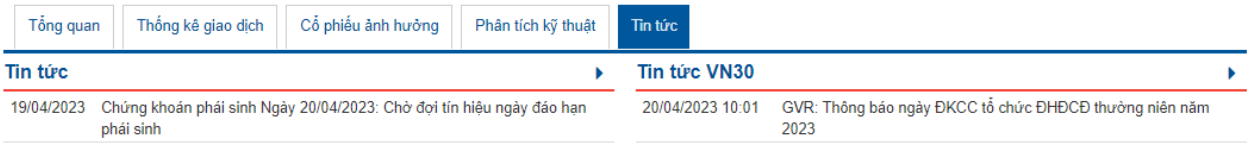

2.5.2. Chứng quyền (Covered Warrants - CW)

a. **Tổng quan:** Tổng quan về thị trường chứng quyền gồm các thông tin sau:

- Thông tin thị trường Chứng quyền và bản đồ thị trường
- Danh sách các chứng quyền
- Thông tin chung về cơ chế hoạt động của thị trường chứng quyền
- Thống kê lãi chứng quyền đáo hạn
- Tin tức về thị trường chứng quyền
- Tin tức về thị trường chứng khoán cơ sở
- Tin tức về tổ chức phát hành chứng quyền

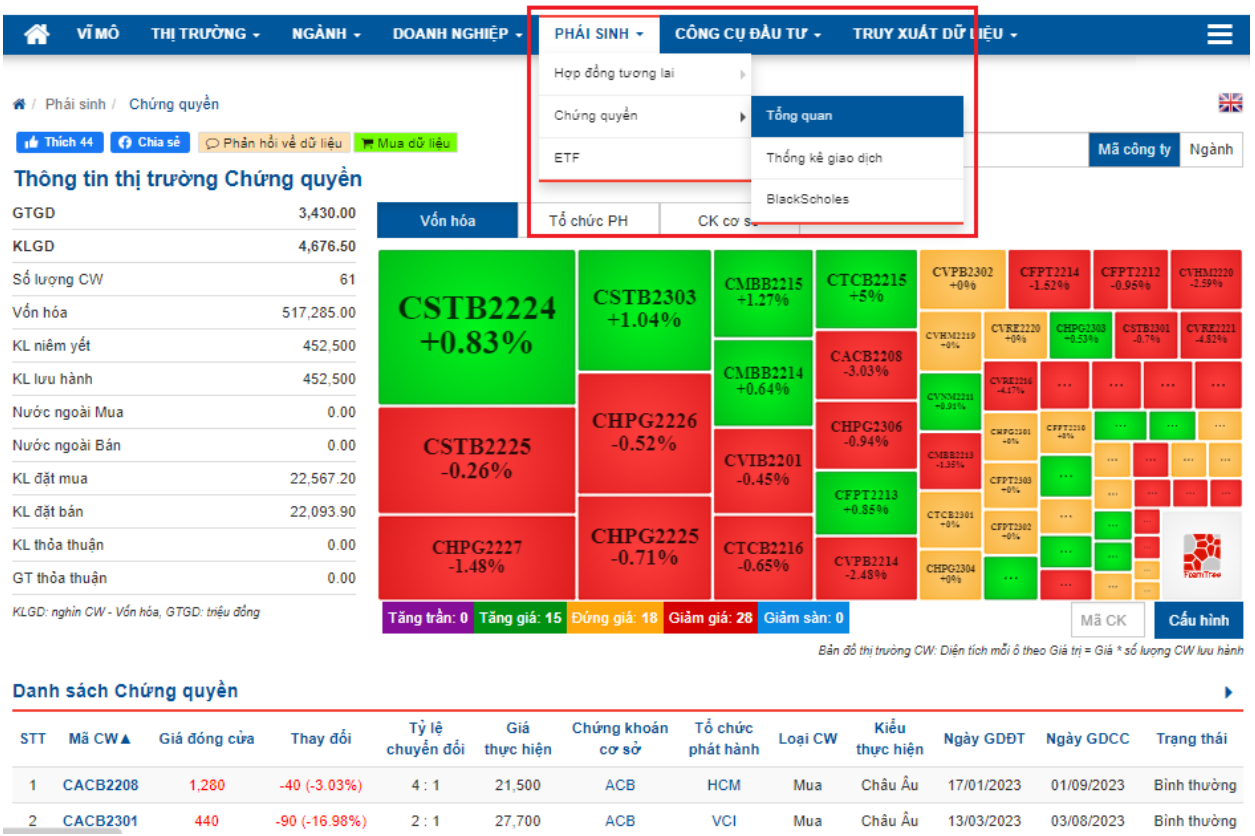

b. **Thống kê giao dịch:** Thống kê thông tin giao dịch của các mã chứng quyền toàn thị trường theo thời gian được chọn.

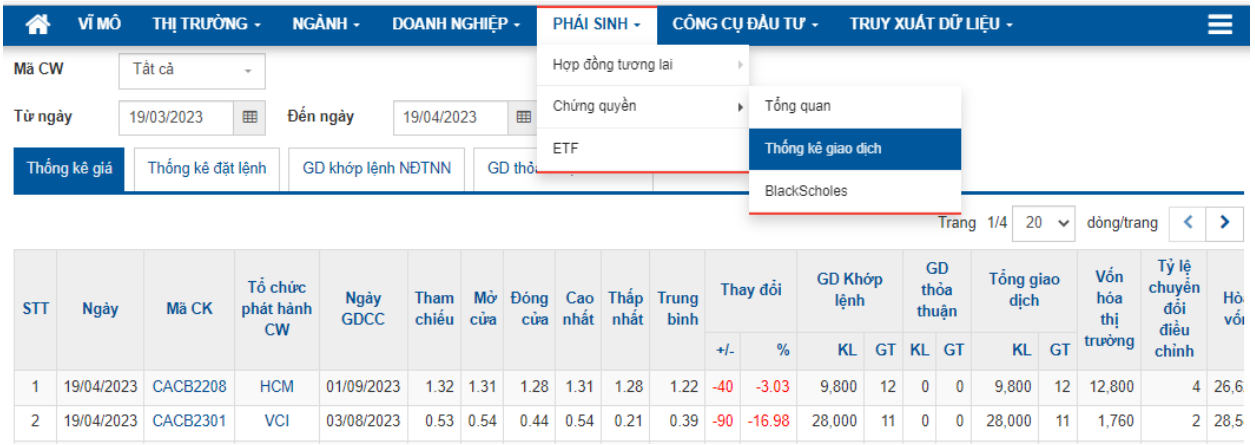

c. **Bảng tính giá chứng quyền BlackScholes:** Bảng tính giá chứng quyền theo công thức Black Scholes dựa trên các yếu tố về độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở, Giá thực hiện chứng quyền khi đáo hạn, Tỷ lệ chuyển đổi, Độ biến động giá kỳ vọng…

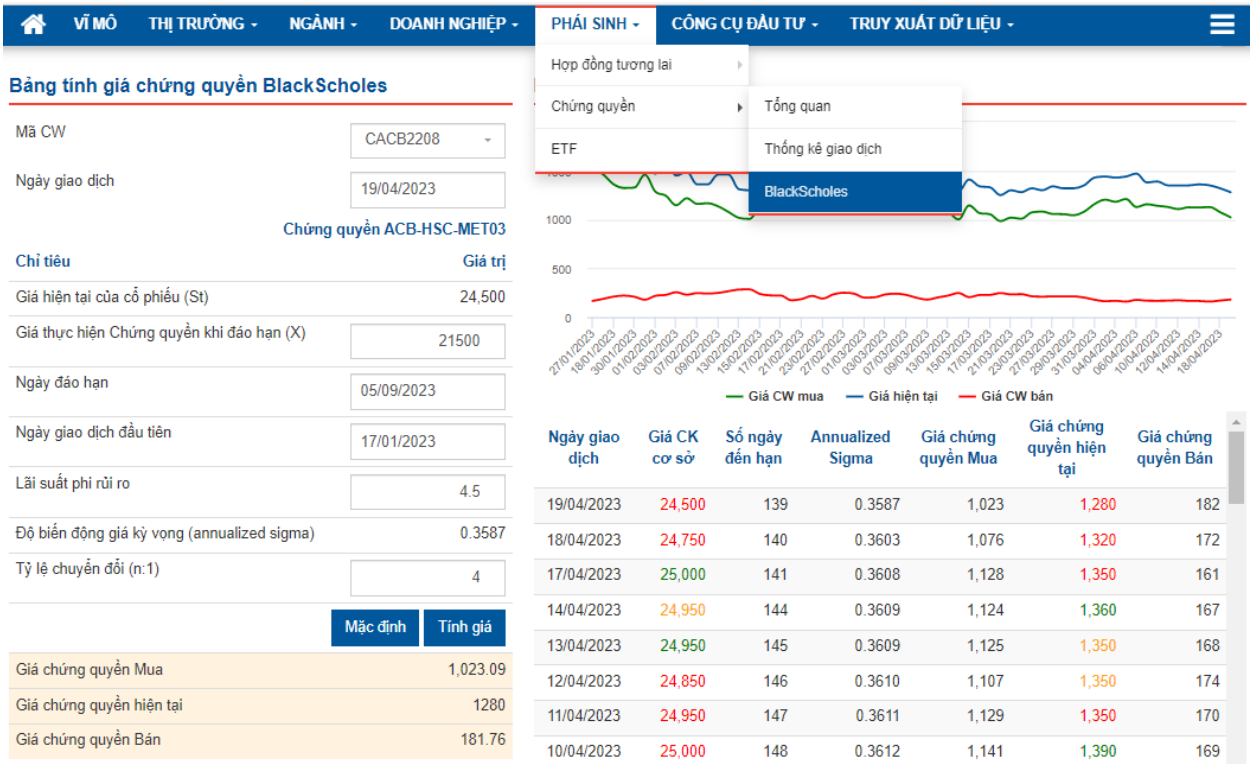

d. **Chi tiết mã chứng quyền:**

Cách truy cập thông tin chi tiết của một mã chứng quyền:

- Bấm chọn mã chứng quyền tại Danh sách các chứng quyền ở tab Tổng quan
- Tại ô tìm kiếm gõ tên mã chứng quyền cần tra cứu

Thông tin chi tiết về một mã chứng quyền bao gồm:

- Giá giao dịch và các chỉ số realtime trong ngày
- Biểu đồ giá
- Thanh menu phân loại thông tin: Tổng quan, Thống kê giao dịch, Tin tức, PTKT, Chứng khoán cơ sở, Tổ chức phát hành, CW khác (CW cùng chứng khoán cơ sở hoặc CW cùng tổ chức phát hành), Định giá BlackScholes.

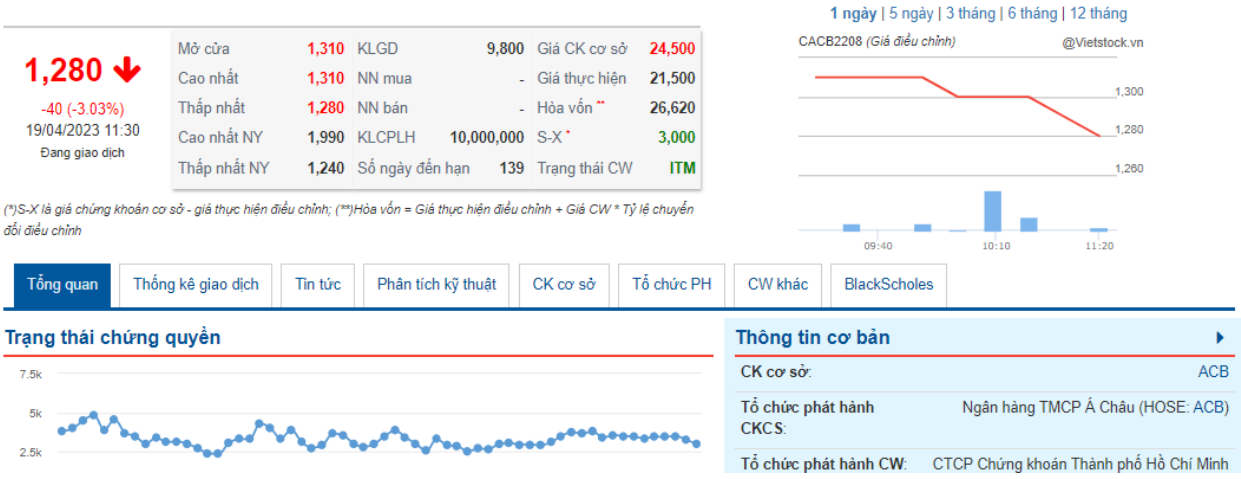

2.6. CÔNG CỤ ĐẦU TƯ

2.6.1. Biểu đồ sức mạnh giá và dòng tiền (RRG)

Biểu đồ Sức mạnh giá và dòng tiền (Relative Rotation Graph, RRG) giúp nhà đầu tư nhận biết sự dịch chuyển dòng tiền trên thị trường một cách sinh động.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Sức mạnh giá RRG]

Biểu đồ được hình thành bởi hai trục Sức mạnh giá (VS-RS) và Động lượng tăng trưởng (VS-Mom), giúp nhà đầu tư tìm các cổ phiếu mạnh hơn thị trường (outperform): tăng nhiều hơn khi thị trường tăng (bull market) và giảm ít hơn khi thị trường giảm (bear market). RRG cũng giúp tránh các cổ phiếu yếu hơn thị trường chung (underperform) vốn có đặc tính là tăng ít hơn khi thị trường tăng và giảm nhiều hơn khi thị trường giảm.

Các trạng thái cơ bản:

- Tăng trưởng (Leading): Giá nằm trong góc phần tư tăng trưởng khi VS-RS và VS-Mom đều nằm trên 100.
- Suy yếu (Weakening): Giá nằm trong góc phần tư suy yếu khi VS-RS nằm trên 100 nhưng VS-Mom đã rơi xuống dưới 100.
- Giảm giá (Lagging): Giá nằm trong góc phần tư giảm giá khi VS-RS và VS-Mom đều dưới 100.
- Tích lũy (Improving): Giá nằm ở góc phần tư tích lũy khi VS-RS dưới 100, nhưng VS-Mom di chuyển trên 100.

Các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem biểu đồ theo khung thời gian là tuần (weekly), nhà đầu tư trung và dài hạn có thể theo khung thời gian là tháng (monthly). Việc thay đổi mã cổ phiếu/chỉ số ngành theo dõi có thể thực hiện ở mục Tùy chỉnh.

2.6.2. Bảng giá trực tuyến

Bảng giá cung cấp thông tin giao dịch (giá, khối lượng) theo thời gian thực (realtime) tất cả các chứng khoán trên 3 sàn HOSE, HNX, UPCoM bao gồm cả cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, chứng quyền, hợp đồng tương lai.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Bảng giá trực tuyến]

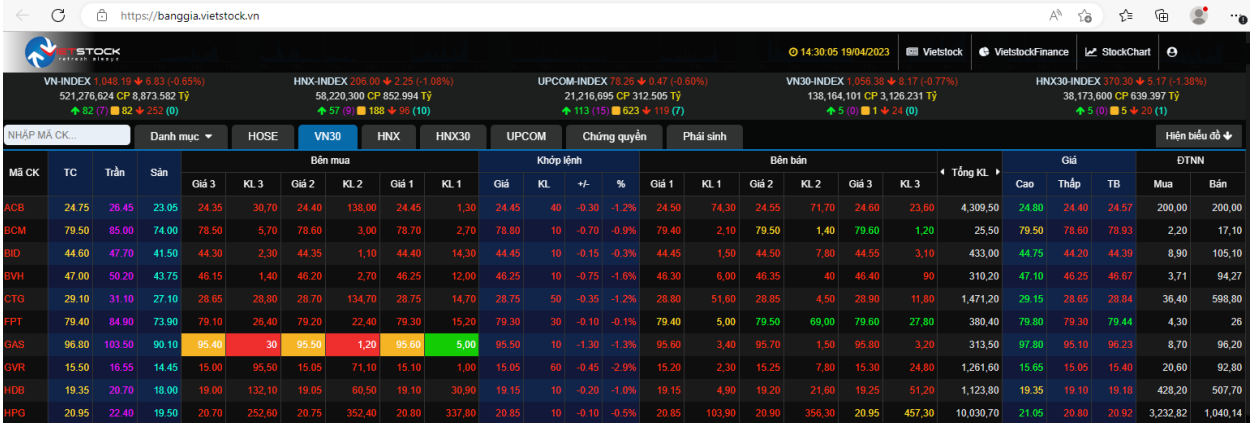

2.6.3. Bộ lọc cổ phiếu

Bộ lọc cổ phiếu cung cấp các tiêu chí để sàng lọc tìm cổ phiếu tiềm năng, hỗ trợ ra quyết định đầu tư.

Đặc điểm nổi bật:

- Bộ tiêu chí lọc đa dạng: Bao gồm dữ liệu cơ bản, tài chính, giao dịch, kỹ thuật. Dữ liệu được số hóa đa dạng cung cấp toàn diện chỉ tiêu cho bộ lọc.
- Đơn giản hóa thao tác: Có sẵn mẫu lọc, mẫu hiển thị phổ biến nhất.
- Cá nhân hóa: Bạn có thể tự tạo và lưu sẵn Mẫu lọc, Mẫu hiển thị tùy ý và lưu lại cho lần sử dụng sau.
- Giao diện tối ưu, trực quan, tính năng tiện dụng để tối đa không gian trải nghiệm.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> [Bộ lọc cổ phiếu]

Khi lần đầu mở **Bộ lọc cổ phiếu,** VietstockFinance đã hiển thị sẵn mẫu lọc mặc định.

Để sử dụng bộ lọc, bạn thực hiện thao tác 2 nhóm chức năng: lọc và hiển thị.

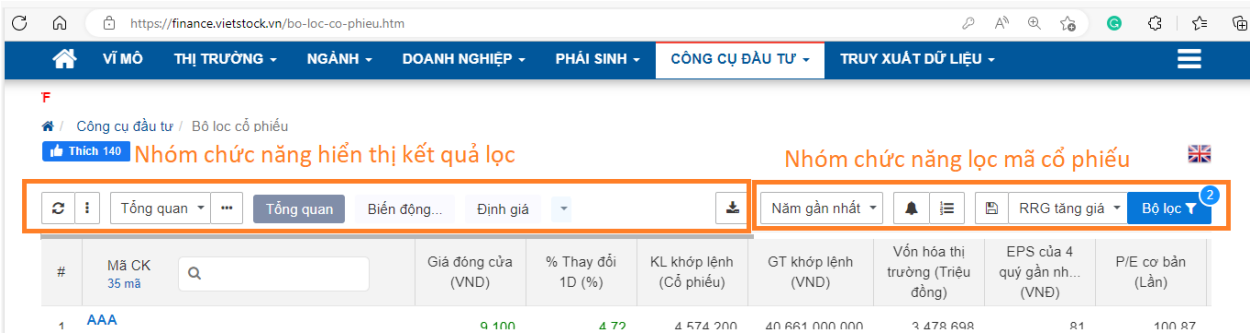

Nhóm 1: Nhóm chức năng lọc mã cổ phiếu:

Để lọc cổ phiếu, bạn có thể chọn một trong hai cách:

Cách lọc 1: Chọn **Mẫu lọc** bạn quan tâm trong **Bộ lọc mẫu Vietstock**

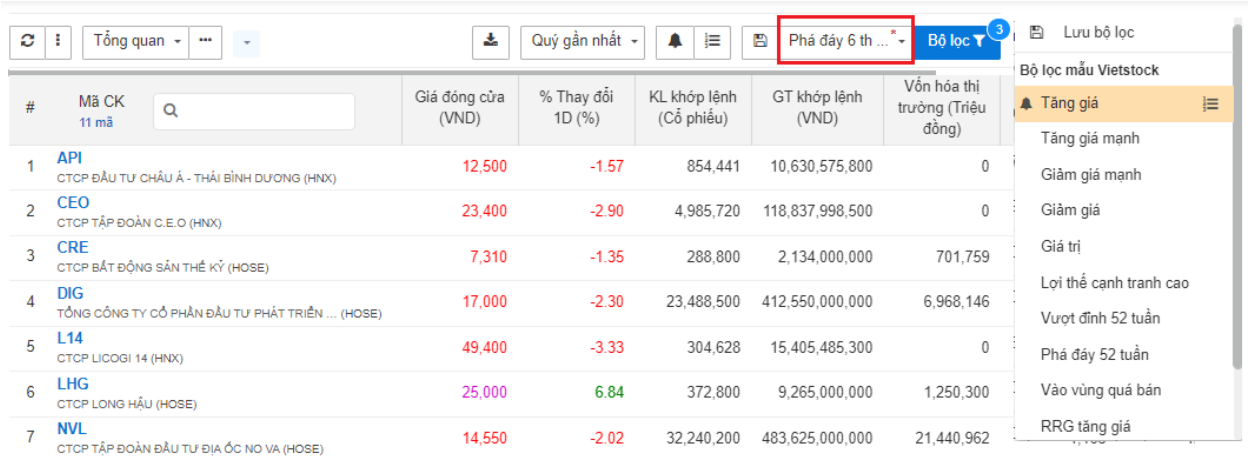

Cách lọc 2: Tự tạo mẫu lọc tùy ý và lưu lại cho lần sau:

- Bước 1: Trên menu bấm **Bộ lọc,** chọn tiêu chí và giá trị lọc cho từng tiêu chí. Trong đó:
  - **Đã chọn:** Thống kê các chỉ tiêu bạn đã chọn
  - **Tất cả:** Thống kê tất cả các chỉ tiêu có thể lọc theo phân nhóm: **Tổng quan, Tài chính, Giao dịch, Kỹ thuật**
- Bước 2: Click **Đóng bộ lọc** để xem hiển thị
- Bước 3: Lưu mẫu lọc để sử dụng cho lần sau

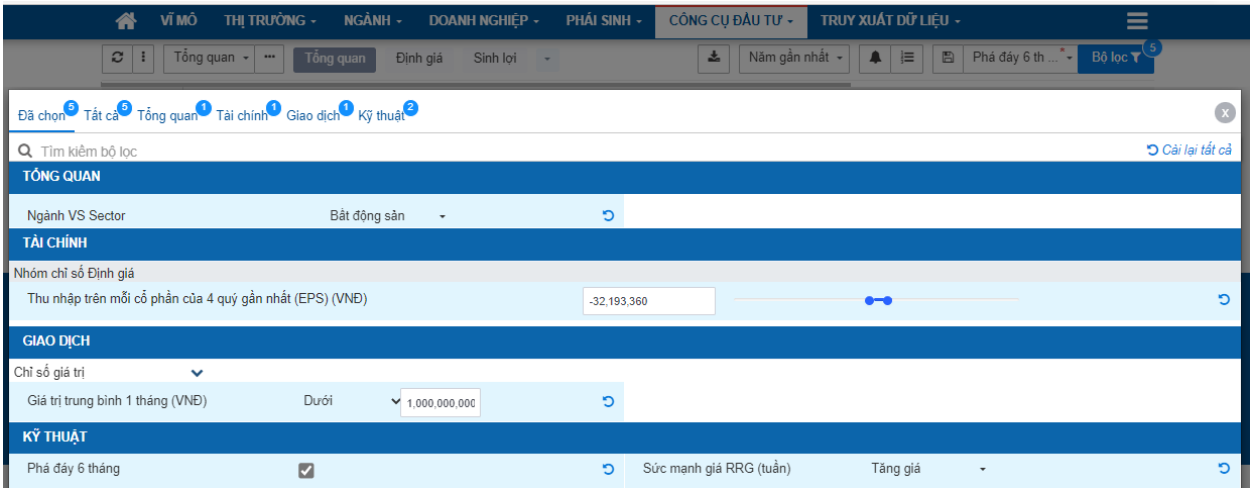

Nhóm 2: Nhóm thao tác tùy chỉnh hiển thị:

- Chọn **Mẫu hiển thị** có sẵn của Vietstock
- Tự tạo mẫu hiển thị và lưu Mẫu hiển thị cho lần sau
- Tùy chỉnh thời gian làm mới hiển thị
- Tải kết quả lọc

2.6.4. Phân tích kỹ thuật Stockchart

Stockchart là công cụ phân tích kỹ thuật chuyên sâu với dữ liệu trực tuyến được cung cấp bởi Vietstock và các tính năng được cung cấp bởi TradingView.

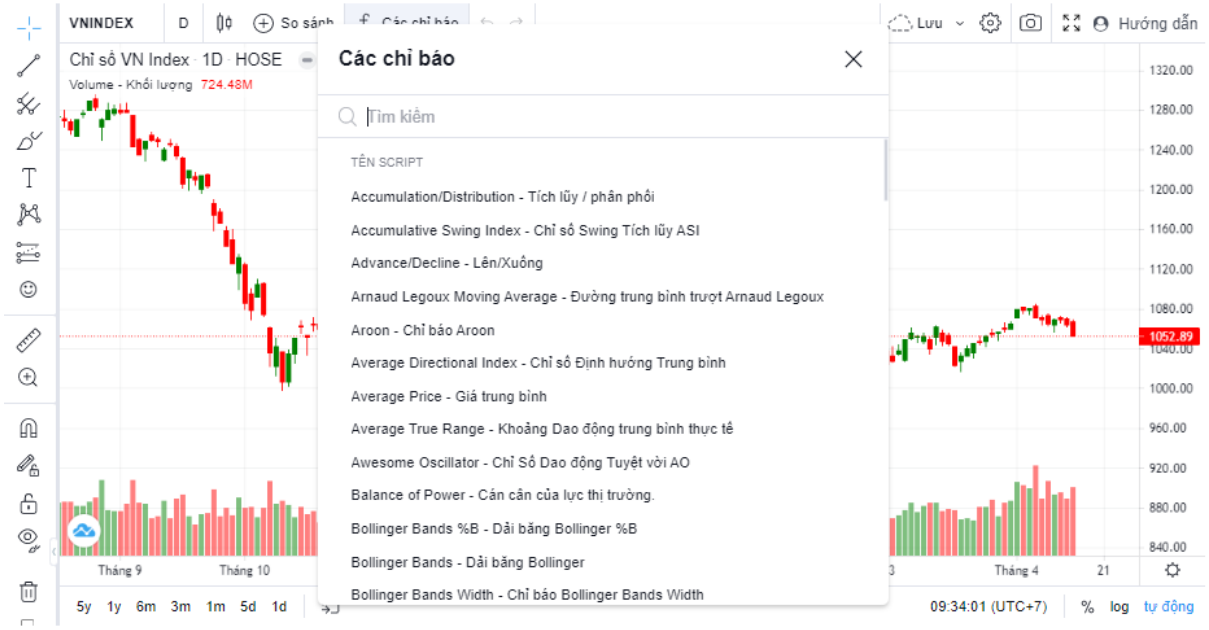

- Hỗ trợ nhiều trình duyệt, trên nhiều nền tảng thiết bị khác nhau: Chrome, Edge, Safari… trên laptop, mobile…
- Đồng bộ hóa đa thiết bị: Tự động đồng bộ hóa các mẫu đồ thị phân tích trên mọi thiết bị truy cập khi đăng nhập tài khoản VietstockID.
- Linh hoạt lựa chọn nhiều loại dữ liệu, khung thời gian khác nhau.
- Sao lưu dữ liệu trực tuyến: Cho phép lưu các đồ thị và mẫu phân tích không giới hạn số lượng.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> **Phân tích kỹ thuật** hoặc tại đây.

2.6.5. Báo cáo phân tích

Báo cáo phân tích cung cấp báo cáo phân tích và các tư liệu tham khảo từ nguồn trong và ngoài nước phong phú, giúp nhà đầu tư có cái nhìn sâu rộng về vấn đề mình quan tâm trong lĩnh vực chứng khoán.

Thao tác sử dụng: Vào menu **Công cụ đầu tư** >> **Báo cáo phân tích**:

- Bước 1: Tìm kiếm (Nhập từ khóa tìm kiếm là MCK hoặc nội dung tìm kiếm)
- Bước 2: Tùy chọn nguồn phát hành báo cáo
- Bước 3: Tùy chọn thời gian tìm kiếm
- Bước 4: Xem kết quả và chọn đọc báo cáo mình quan tâm.

Ngoài ra, Báo cáo phân tích còn được phân loại theo:

- Báo cáo của Vietstock
- Báo cáo vĩ mô
- Báo cáo ngành
- Phân tích doanh nghiệp

2.7. TRUY XUẤT DỮ LIỆU

Truy xuất dữ liệu là công cụ truy xuất dữ liệu toàn diện từ vĩ mô, ngành đến từng doanh nghiệp:

- Dữ liệu đầy đủ, chính xác, toàn diện và cập nhật: Hỗ trợ nhà đầu tư khám phá truy xuất cơ sở dữ liệu của hơn 3,000 doanh nghiệp trên các sàn HOSE, HNX, UPCoM và cả đại chúng chưa niêm yết.
- Thiết kế toàn diện “all in one”: Tích hợp tất cả các dữ liệu tài chính, thuận tiện tối đa cho người dùng trong việc khai thác và liên kết các bảng dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý.
- Linh hoạt lựa chọn nhiều loại dữ liệu, khung thời gian khác nhau, dữ liệu liên kết thông minh.
- Lưu mẫu dữ liệu truy xuất theo nhu cầu cá nhân và được tùy ý chỉnh sửa.

2.7.1. Tổng hợp doanh nghiệp

Thao tác sử dụng: Vào menu **Truy xuất dữ liệu** >> **Tổng hợp doanh nghiệp**

Để truy xuất dữ liệu Tổng hợp doanh nghiệp, bạn thực hiện các bước sau:

- **Bước 1: Chọn mã**
  - ❖ Cách 1: Tại ô Mã CK, nhập chuỗi các mã, cách nhau dấu phẩy (,). *Ví dụ: VNM, FPT, HPG, PNJ*
  - ❖ Cách 2: Chọn mã theo nhóm Sàn CK, Nhóm ngành, Loại hình doanh nghiệp
- **Bước 2: Chọn chỉ tiêu**
  - ❖ Cách 1: Nhập vào ô **Tìm kiếm** chỉ tiêu mà bạn muốn tìm và bấm chọn
  - ❖ Cách 2: Bấm dấu **+** để mở rộng xem chi tiết các nhóm chỉ tiêu và chọn

Khi box thuộc tính hiện ra, bạn có thể chọn thêm nhiều chỉ tiêu cùng loại, đồng thời có thể thay đổi kỳ dữ liệu, đơn vị tính, trạng thái hợp nhất, kiểm toán theo nhu cầu và bấm OK để lấy dữ liệu hiển thị trên màn hình.

Trường hợp bạn cần thay đổi chỉ tiêu, thay đổi thứ tự cột dữ liệu thì click vào **Sửa**.

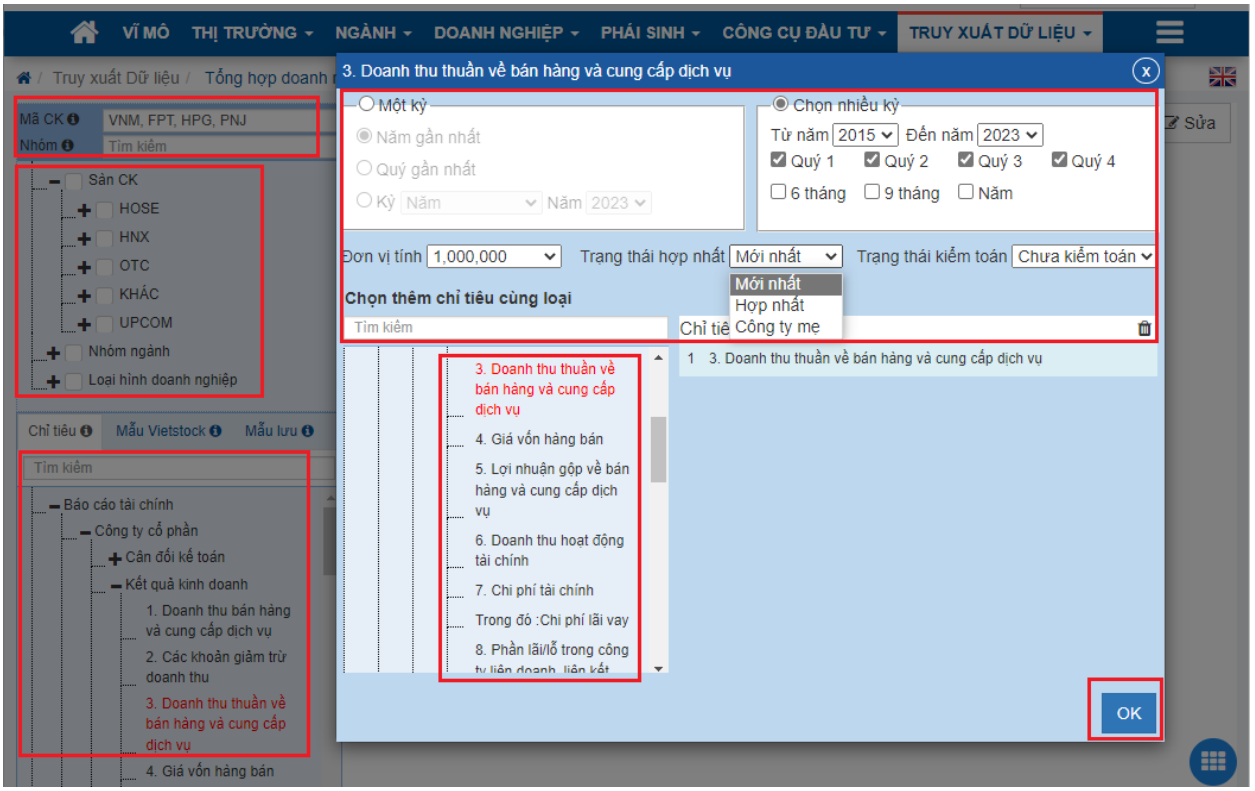

- **Bước 3: Xuất Excel**
- **Bước 4: Lưu mẫu**

Lưu mẫu giúp bạn lưu lại danh sách chỉ tiêu, danh sách mã để truy xuất cho lần sau.

Để lưu mẫu bấm **Lưu Mẫu >> Nhập tên >> Lưu**

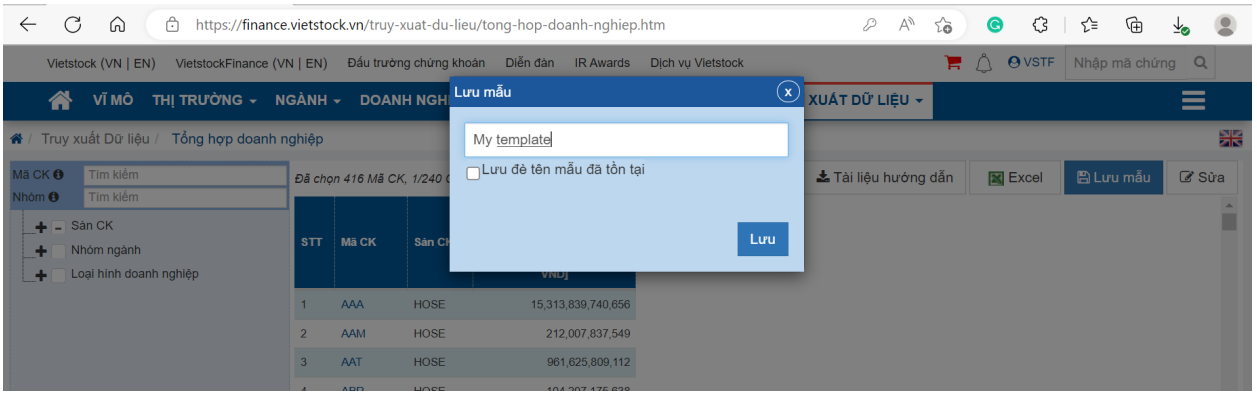

Trường hợp dùng mẫu truy xuất Vietstock hoặc bạn đã lưu mẫu, bấm Chọn **Mẫu Vietstock** hoặc **Mẫu lưu >>** Chọn mẫu phù hợp >> Xác nhận **OK**. Sau đó bấm **Excel** để xuất dữ liệu lưu về máy cá nhân.

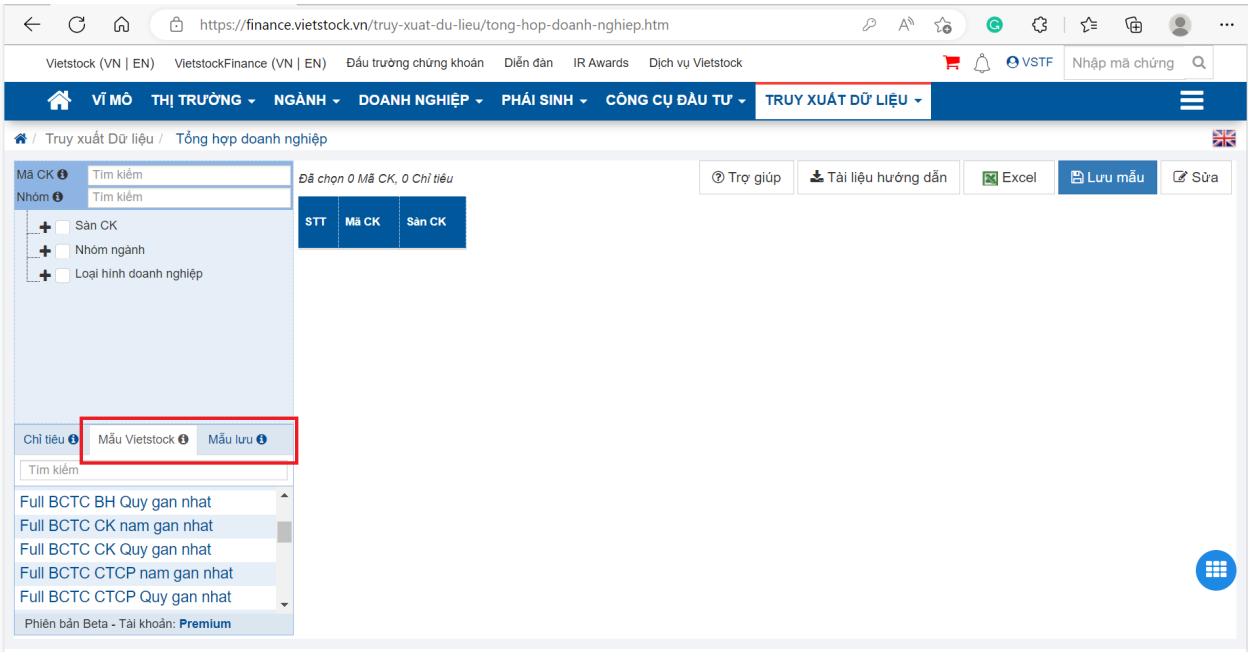

2.7.2. Báo cáo tài chính

Tính năng này hỗ trợ truy xuất chuyên sâu về báo cáo tài chính, chỉ số tài chính của nhiều mã, nhiều kỳ. Trong đó, mỗi mã, mỗi kỳ hiển thị là một cột.

Thực hiện các bước sau để truy xuất có thể truy xuất dữ liệu:

- Bước 1: Chọn **Báo cáo tài chính** hoặc **Chỉ số tài chính**
- Bước 2: **Nhập mã CK:** nhập 1 hoặc nhiều mã cách nhau dấu phẩy (,)
- Bước 3: Tùy chọn các thuộc tính >> Bấm **Xem**
    - ❖ Với Báo cáo tài chính, các thuộc tính tùy chọn: Kỳ dữ liệu | Đơn vị tính | Trạng thái hợp nhất | Trạng thái kiểm toán | Loại báo cáo
    - ❖ Với Chỉ số tài chính, các thuộc tính tùy chọn: Kỳ dữ liệu | Nhóm chỉ tiêu
- Bước 4: Bấm **Excel** để xuất dữ liệu

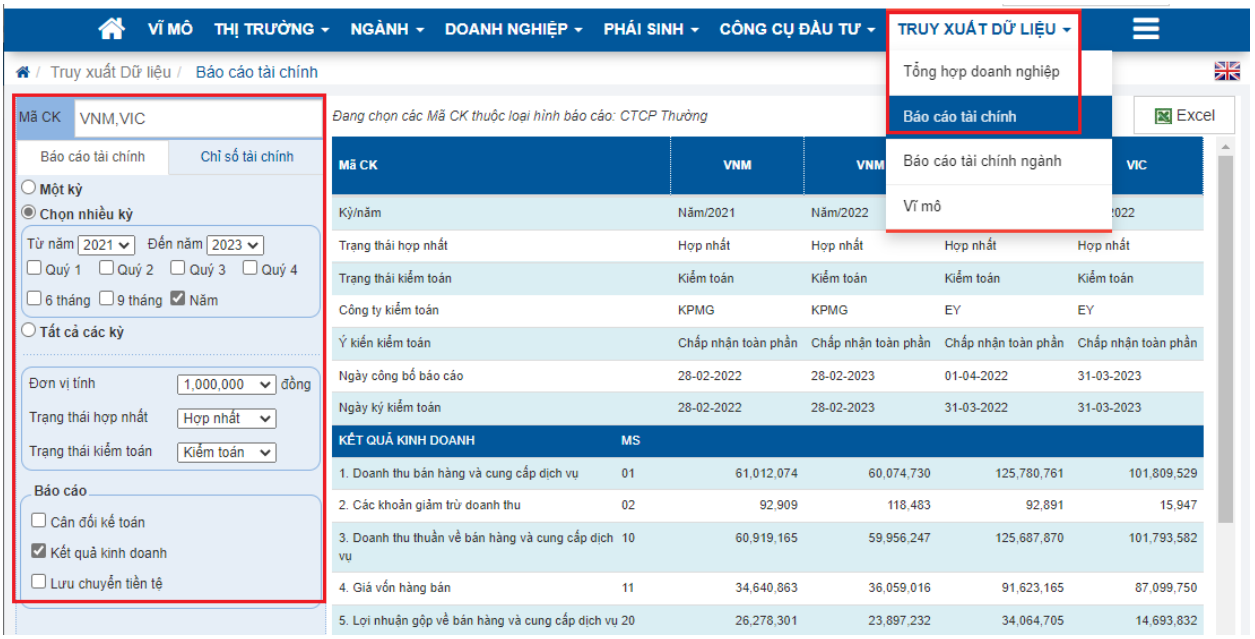

2.7.3. Báo cáo tài chính ngành

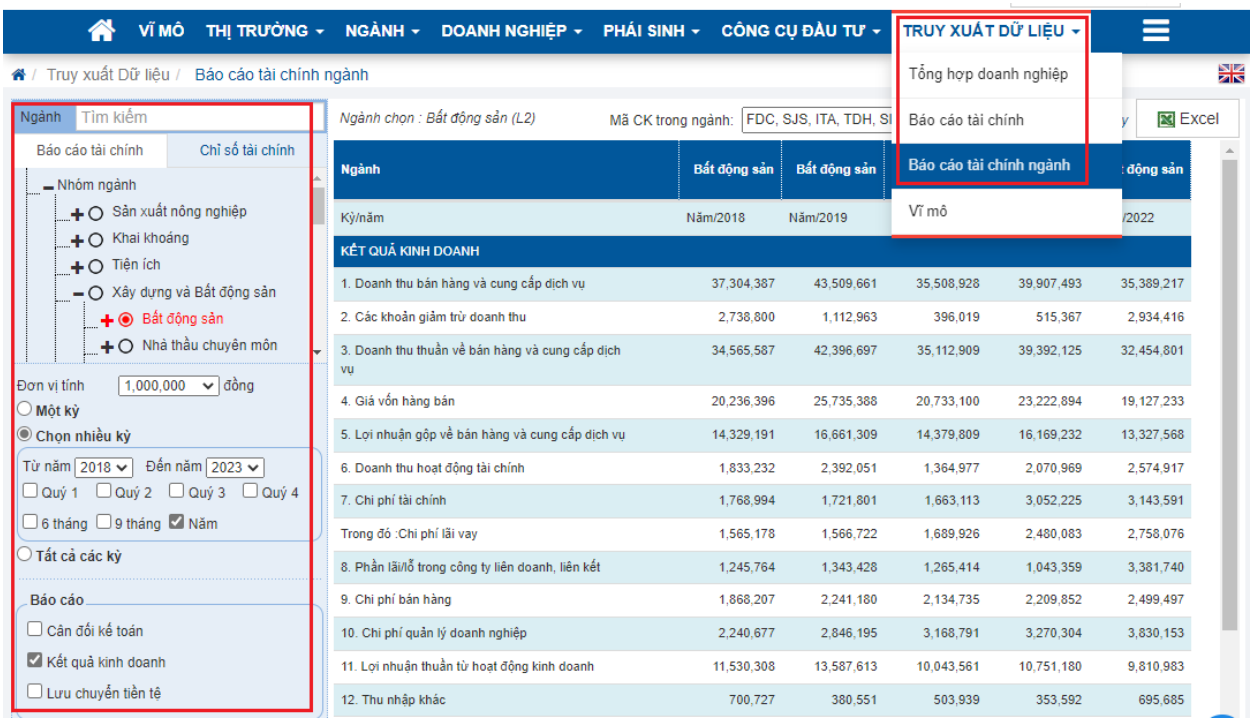

Báo cáo tài chính ngành hỗ trợ truy xuất dữ liệu báo cáo tài chính, chỉ số tài chính theo từng nhóm ngành (Vietstock sử dụng hệ thống phân ngành theo chuẩn NAICS 2007).

- Bước 1: Chọn ngành (Tính năng này còn hỗ trợ danh sách các mã trong ngành và có thể sao chép MCK để xuất dữ liệu chi tiết các mã trong ngành).
- Bước 2: Tùy chọn thời gian.
- Bước 3: Tùy chọn Loại báo cáo Cân đối kế toán | Kết quả kinh doanh |Lưu chuyển tiền tệ.
- Bước 4: Bấm Xem và xuất Excel.

3. Phương pháp luận

3.1. Hệ thống phân ngành

Quan điểm phân ngành: Vietstock lựa chọn tiêu chuẩn NAICS 2007 (The North American Industry Classification System) để áp dụng cho việc phân ngành vì tính phổ biến, bao quát cao, được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế, có nhiều điểm tương đồng với hệ thống phân ngành VSIC 2007 của Việt Nam, và có trật tự logic cao trong việc sắp xếp thứ tự ngành.

Xem chi tiết về quan điểm phân ngành của Vietstock tại đây.

3.2. Chỉ số chứng khoán

Phương pháp luận chỉ số xây dựng các chỉ số chứng khoán của Vietstock: Phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng được áp dụng cho Vietstock Index (VS Sector Index, VS Market Cap Index và VS 100 Index).

Xem chi tiết về phương pháp luận chỉ số chứng khoán của Vietstock tại đây.

3.3. Chỉ số tài chính

Vietstock cung cấp chỉ số tài chính tính toán theo kỳ Ngày/Quý/Năm, phân chia theo từng loại hình Công ty cổ phần thường, Công ty chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm.

3.3.1. Chỉ số tài chính kỳ ngày

Chỉ số tài chính kỳ ngày được tính toán và cập nhật theo dữ liệu BCTC kỳ gần nhất và dữ liệu giao dịch ngày gần nhất T-1 (trừ Vốn hóa thị trường tính tại ngày T)

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
VHTT	Triệu đồng	Giá đóng cửa*KLCPLH
EPS trailing	VNĐ	LNST cổ đông công ty mẹ 4 quý gần nhất/KLCPLHBQ *KLCPLHBQ là bình quân KLCPLH tất cả các ngày trong kỳ*
BVPS	VNĐ	(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)/KLCPLH
P/E	Lần	Giá đóng cửa/EPS trailing
F P/E	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/Lợi nhuận kế hoạch
P/B	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) *Áp dụng nếu lợi ích cổ đông không kiểm soát được gộp vào VCSH*
P/S	Lần	Giá đóng cửa*KLCPLH/DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Cổ tức tiền mặt	đồng	Tổng cổ tức tiền mặt đã thực hiện trong 1 năm gần nhất
Dividend Yield	%	Tổng cổ tức tiền mặt đã thực hiện trong 1 năm gần nhất/Giá đóng cửa *Ngày tính cổ tức theo ngày GDKHQ*

Beta	Lần	So sánh mức độ biến động giá của cổ phiếu so với mức độ biến động chung của toàn thị trường trong 100 phiên gần nhất. Beta = Covar(Ri,Rm)/Var(Rm) *Trong đó:* *• Ri : Tỷ suất sinh lời của chứng khoán* *• Rm: Tỷ suất sinh lời của thị trường (VN-Index/HNXIndex)* *• Var(Rm): Phương sai của tỷ suất sinh lời của thị trường* *• Covar(Ri,Rm): Hiệp phương sai của tỷ suất sinh lời của chứng khoán và tỷ suất sinh lời của thị trường* *Tỷ suất sinh lời tính theo kỳ tuần: R = (p1-p0)/p0* *Trong đó:* *• p1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index ngày cuối tuần T* *• p0: Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index ngày cuối tuần T-1*

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.

3.3.2. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (CTCP thường và CTCK)

Nhóm chỉ số tăng trưởng

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tăng trưởng DTT	%	(Doanh thu thuần/Doanh thu thuần kỳ trước -1)*100
Tăng trưởng lợi nhuận gộp	%	(Lợi nhuận gộp/Lợi nhuận gộp kỳ trước -1)*100
Tăng trưởng LNTT	%	(Lợi nhuận trước thuế/Lợi nhuận trước thuế kỳ trước -1)*100
Tăng trưởng LNST CĐ công ty mẹ	%	(LNST CĐ công ty mẹ/LNST CĐ công ty mẹ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng tài sản	%	(Tổng tài sản/Tổng tài sản kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng nợ dài hạn	%	(Nợ dài hạn/Nợ dài hạn kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng nợ phải trả	%	(Nợ phải trả/Nợ phải trả kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng VCSH	%	(VCSH/VCSH kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	(Vốn điều lệ/Vốn điều lệ kỳ trước - 1)*100

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tỷ suất LN gộp biên	%	100*Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần
Tỷ lệ lãi EBIT**	%	100*EBIT/Doanh thu thuần *Với EBIT = LNTT + Chi phí lãi vay*
Tỷ lệ lãi EBITDA**	%	100*EBITDA/Doanh thu thuần *Với EBITDA = LNTT + Chi phí lãi vay + Khấu hao* *Trong đó:* *+ Khấu hao TSCĐ lấy từ LCTT gián tiếp* *+ Nếu không có LCTT gián tiếp thì Khấu hao = Hao mòn (TSCĐHH + Tài chính + Vô hình) cuối kỳ - Hao mòn (TSCĐHH + Tài chính + Vô hình) đầu kỳ*
ROS	%	100*LNST/Doanh thu thuần
ROEA	%	100*LNST cổ đông CTM/BQ(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) *+ BQ(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) là bình quân (VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) đầu kỳ và cuối kỳ* *+ Áp dụng nếu lợi ích cổ đông không kiểm soát được gộp vào VCSH*

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
ROCE**	%	100*EBIT/(Tổng tài sản BQ - Nợ ngắn hạn BQ)
ROAA	%	100*LNST CTM/ Tổng tài sản BQ

Nhóm chỉ số Thanh khoản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Khả năng TT bằng tiền mặt	Lần	Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn
Khả năng TT nhanh**	Lần	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn *Hàng tồn kho: đã trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho*
Khả năng TT nhanh (Đã loại trừ HTK)	Lần	(Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn
Khả năng TT ngắn hạn	Lần	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn
Khả năng TT lãi vay**	Lần	(Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay)/Chi phí lãi vay

Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Vòng quay phải thu KH	Vòng	Doanh thu thuần/Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ
Số ngày thu tiền KH BQ	Ngày	365*Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ/DTT
Vòng quay HTK**	Vòng	Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ
Số ngày tồn kho BQ**	Ngày	365*Hàng tồn kho BQ/Giá vốn hàng bán
Vòng quay phải trả nhà cung cấp**	Vòng	Giá vốn hàng bán /Phải trả người bán ngắn hạn BQ
Số ngày trả tiền khách hàng BQ**	Ngày	365*Phải trả người bán ngắn hạn BQ/Giá vốn hàng bán
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Vòng	Doanh thu thuần/Tài sản cố định BQ
Hiệu suất sử dụng toàn bộ TS	Vòng	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ
Vòng quay VCSH	Vòng	Doanh thu thuần/VCSH BQ

Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ phải trả	%	100*Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả
Nợ vay/Tổng tài sản	%	(Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn)/Tổng tài sản
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	Nợ phải trả/Tổng tài sản
VCSH/Tổng tài sản	%	VCSH/Tổng tài sản
Nợ ngắn hạn/ VCSH	%	Nợ ngắn hạn/VCSH
Nợ vay/VCSH	%	(Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn)/VCSH
Nợ phải trả/VCSH	%	Nợ phải trả/VCSH

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
TSNH/Tổng tài sản	%	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản
Tiền/TSNH	%	Tiền và các khoản tương đương tiền/Tài sản ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn/TSNH	%	Đầu tư tài chính ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn/TSNH	%	Phải thu ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn
HTK/TSNH	%	Hàng tồn kho/Tài sản ngắn hạn
TSNH khác/TSNH	%	Tài sản ngắn hạn khác/Tài sản ngắn hạn
TSDN/Tổng tài sản	%	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản
TSCĐ/Tổng tài sản	%	TSCĐ/Tổng tài sản
TSCĐ hữu hình/TSCĐ	%	TSCĐ hữu hình/TSCĐ
TSCĐ thuê tài chính/TSCĐ	%	TSCĐ thuê tài chính/TSCĐ
TSVH/TSCĐ	%	TSVH/TSCĐ
XDCBDD/TSCĐ**	%	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/TSCĐ

Cơ cấu Chi phí

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
GVHB/DTT**	%	Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần
CP BH/DTT**	%	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần
CP QLDN/DTT**	%	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần
Lãi vay/DTT**	%	Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần

Nhóm chỉ số Định giá

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
EPS 4 quý gần nhất	VNĐ	LNST CĐ Công ty mẹ/KLCPLH BQ *+ LNST CĐ Công ty mẹ là tổng LNST CĐ Công ty mẹ 4 quý gần nhất (kỳ Quý) hoặc năm gần nhất (kỳ Năm)* *+ KLCPLH BQ là bình quân KLCPLH tất cả các ngày trong kỳ*
BVPS cơ bản	VNĐ	(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)/KLCPLH *+ KLCPLH lấy tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu* *+ Nếu không có dữ liệu KLCPLH thì lấy Vốn góp của chủ sở hữu/10,000*
P/E cơ bản	Lần	Giá đóng cửa/EPS 4 quý gần nhất *Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu*
P/B cơ bản	Lần	KLCPLH*Giá đóng cửa/(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) *+ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu*
P/S	Lần	Vốn hóa thị trường/DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ *VHTT ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu (KLCPLH*Giá đóng cửa)*
Dividend Yield	%	Tổng cổ tức tiền mặt trên mỗi cổ phần/Giá đóng cửa *+ Tổng cổ tức tiền mặt trên mỗi cổ phần đã thực hiện trong 1 năm gần nhất (theo ngày GDKHQ)* *+ Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu*

Beta		So sánh mức độ biến động giá của cổ phiếu đó so với mức độ biến động chung của toàn thị trường trong 100 tuần. Beta = Covar(Ri,Rm)/Var(Rm) Trong đó: • Ri : Tỷ suất sinh lời của chứng khoán • Rm: Tỷ suất sinh lời của thị trường (VN-Index/HNXIndex) • Var(Rm): Phương sai của tỷ suất sinh lời của thị trường • Covar(Ri,Rm): Hiệp phương sai của tỷ suất sinh lời của chứng khoán và tỷ suất sinh lời của thị trường Tỷ suất sinh lời tính theo kỳ tuần: R = (p1-p0)/p0 Trong đó: • p1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index tại ngày Thứ 6 của tuần T • p0 : Giá đóng cửa của cổ phiếu/Index tại ngày Thứ 6 của tuần T-1
EPS điều chỉnh 4 quý gần nhất	VNĐ	LNST CĐ Công ty mẹ/KLCPLHĐC BQ *+ LNST CĐ Công ty mẹ là tổng LNST CĐ Công ty mẹ 4 quý gần nhất (kỳ Quý) hoặc năm gần nhất (kỳ Năm)* *+ KLCPLHĐC BQ là bình quân KLCPLHĐC tất cả các ngày trong kỳ*
BVPS điều chỉnh	VNĐ	(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)/KLCPLHĐC *+ KLCPLHĐC tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu*
P/E điều chỉnh	Lần	Giá đóng cửa/EPS điều chỉnh 4 quý gần nhất *Giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu*
P/B điều chỉnh	Lần	KLCPLHĐC*Giá đóng cửa/(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát) *+ KLCPLHĐC và Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng của kỳ tính dữ liệu*
EV/EBIT	Lần	*+ EV = VHTT + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn + Giá trị cổ phiếu ưu đãi + Lợi ích cổ đông thiểu số - Tiền và tương đương tiền* *+ Giá trị cổ phiếu ưu đãi tại VN thường không công bố nên không tính*
EV/EBITDA	Lần	EV/EBITDA

Nhóm chỉ số Dòng tiền

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dòng tiền từ HĐKD trên Tổng tài sản	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Tổng tài sản
Dòng tiền từ HĐKD trên Vốn chủ sở hữu	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/VCSH
Dòng tiền từ HĐKD trên Lợi nhuận thuần từ HĐKD	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Lợi nhuận thuần từ HĐKD
Khả năng thanh toán nợ	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nợ phải trả
Cash flow per share (CPS)	VNĐ	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/KLCPLH
Cash flow to revenue	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần
Khả năng chi trả Nợ ngắn hạn từ dòng tiền HĐKD	%	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD/Nợ ngắn hạn
Khả năng chi trả Nợ ngắn hạn từ lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	%	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/Nợ ngắn hạn

Nhóm chỉ số chung

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
EBIT**	Triệu đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay
EBITDA**	Triệu đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + Chi phí lãi vay + Khấu hao
Giá trị doanh nghiệp (EV)	Triệu đồng	VHTT + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn + Giá trị cổ phiếu ưu đãi + Lợi ích cổ đông thiểu số - Tiền và tương đương tiền *Giá trị cổ phiếu ưu đãi tại VN thường không công bố nên không tính*
KLCP niêm yết	Cổ phiếu	Khối lượng cổ phiếu niêm yết theo dữ liệu từ Sở GDCK
KLCPĐLH	Cổ phiếu	Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành theo dữ liệu từ Sở GDCK
KLCPĐLH điều chỉnh	Cổ phiếu	KLCPĐLH điều chỉnh = KLCPLH + khối lượng sẽ phát hành thêm cổ phiếu thưởng, cổ phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi hay ESOP
VHTT	Triệu đồng	Vốn hóa thị trường = Giá đóng cửa*KLCPLH

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.
***: Các CSTC không tính toán cho nhóm các CTCK*

3.3.3. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Bảo hiểm)

Nhóm chỉ số Tăng trưởng, Nhóm chỉ số Thanh khoản, Nhóm chỉ số Đòn bẩy tài chính, Cơ cấu Tài sản ngắn hạn, Cơ cấu Tài sản dài hạn, Cơ cấu Chi phí, Nhóm chỉ số Định giá, Nhóm chỉ số Dòng tiền và Nhóm chỉ số chung giống CTCP thường

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tỷ suất LN gộp biên	%	100*Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm/Doanh thu thuần HĐKD BH
ROS	%	100*LNST thu nhập doanh nghiệp/Doanh thu thuần HĐKD BH
ROEA	%	100*LNST cổ đông CTM/(VCSH - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)BQ
ROCE	%	100*EBIT/(Tổng tài sản BQ - Nợ ngắn hạn BQ)

Nhóm chỉ số Hiệu quả hoạt động

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Vòng quay phải thu KH	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ
Số ngày thu tiền KH BQ	Ngày	365*Phải thu ngắn hạn của khách hàng BQ/DTT HĐKD BH
Vòng quay phải trả nhà cung cấp	Vòng	(Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm + Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)/Phải trả người bán ngắn hạn BQ
Số ngày trả tiền khách hàng BQ	Ngày	365*Phải trả người bán ngắn hạn BQ/(Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm + Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Tài sản cố định BQ
Hiệu suất sử dụng TS	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/Tổng tài sản BQ
Vòng quay VCSH	Vòng	Doanh thu thuần HĐKD BH/VCSH BQ

3.3.4. Chỉ số tài chính kỳ Quý/Năm (Ngân hàng)

Nhóm chỉ số Định giá và Nhóm chỉ số chung: Giống nhóm chỉ số tính toán cho CTCP thường.

Nhóm chỉ số Tăng trưởng

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Tăng trưởng LNTT	%	(Lợi nhuận trước thuế/Lợi nhuận trước thuế kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng LNST CĐ CTM	%	(LNST CĐ CTM/ LNST CĐ CTM kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng tài sản	%	(Tổng tài sản/Tổng tài sản kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng VCSH	%	(Vốn và các quỹ/Vốn và các quỹ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	(Vốn điều lệ/Vốn điều lệ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng dư nợ cho vay	%	(Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng huy động vốn khách hàng	%	(Tiền gửi của khách hàng/Tiền gửi của khách hàng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	%	(Thu nhập lãi thuần/Thu nhập lãi thuần kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng dự phòng rủi ro tín dụng	%	(Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng thu phí dịch vụ thuần	%	(Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ/ Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng thu nhập HĐKD trước dự phòng	%	(Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng kỳ trước - 1)*100
Tăng trưởng tổng chi phí HĐKD	%	(Chi phí hoạt động/Chi phí hoạt động kỳ trước - 1)*100

Nhóm chỉ số Sinh lợi

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
YOEA	%	100*Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự/(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng + Chứng khoán đầu tư)BQ
COF	%	100*Chi phí lãi và các chi phí tương tự/(Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá)BQ
NIM	%	100*Thu nhập lãi thuần/(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng + Chứng khoán đầu tư)BQ
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Tổng thu nhập HĐKD trước dự phòng	%	100*Chi phí hoạt động/(Chi phí hoạt động + Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng)
ROEA	%	100*Lợi nhuận sau thuế CĐ CTM/(Vốn và các quỹ - Lợi ích cổ đông không kiểm soát)BQ
ROAA	%	100*Lợi nhuận sau thuế CĐ CTM/Tổng tài sản BQ

Nhóm chỉ số Thanh khoản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dư nợ cho vay khách hàng/Vốn huy động (LDR)	%	Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá
Dư nợ cho vay/Tổng tài sản Có	%	100*Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Tổng Tài sản
VCSH/Tổng vốn huy động	%	100*Vốn và các quỹ/(Các khoản nợ Chính phủ và NHNN + Tiền gửi và vay các TCTD khác + Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá)
VCSH/Tổng tài sản Có	%	100*Vốn và các quỹ/Tổng tài sản

Nhóm chỉ số Chất lượng tài sản

Các loại chỉ số	ĐVT	Công thức tính
Dự phòng rủi ro tín dụng/Tổng dư nợ	%	Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng/Cho vay và thuê tài chính khách hàng
Tài sản Có sinh lãi/Tổng tài sản Có	%	(Tiền gửi tại NHNN + Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác - Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác + Cho vay khách hàng - Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng + Chứng khoán đầu tư - Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư)/Tổng tài sản

BQ là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ.

4. Về Vietstock

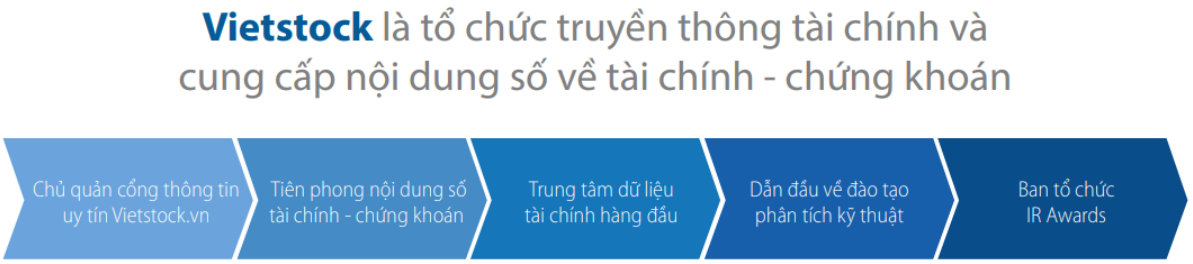

4.1. Giới thiệu về Vietstock

Ngay từ những phiên giao dịch đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam, đội ngũ những nhà sáng lập Vietstock đã ấp ủ ước mơ xây dựng một cổng thông tin toàn diện và chuyên nghiệp về tài chính - chứng khoán, giúp nhà đầu tư có được cái nhìn thấu đáo về thị trường và từ đó tự tin trong các quyết định đầu tư của mình.

Sau quá trình nghiên cứu phát triển, xây dựng và chạy thử nghiệm, Cổng thông tin Vietstock.vn chính thức ra đời vào ngày 02/08/2002 và nhanh chóng nhận được sự ủng hộ lớn từ cộng đồng nhà đầu tư.

Vietstock tự hào và luôn nỗ lực cải tiến không ngừng để mang đến cho nhà đầu tư nguồn thông tin tham khảo có giá trị cao với hai phiên bản Tiếng Việt và Tiếng Anh. Tầm nhìn: **Cổng thông tin tài chính trực tuyến Số 1 tại Việt Nam và về Việt Nam.**

- **Vietstock (https://vietstock.vn/):** Không chỉ tin tức và sự kiện nóng về kinh tế và tài chính - đầu tư; Vietstock cập nhật thông tin tất cả doanh nghiệp niêm yết; các kênh đầu tư từ cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, hàng hóa, bất động sản và các kênh đầu tư tài chính khác; cung cấp các báo cáo phân tích chuyên sâu về đầu tư chứng khoán hằng ngày.
- **VietstockFinance (https://finance.vietstock.vn/):** Hệ thống công cụ đầu tư chứng khoán, cơ sở dữ liệu vĩ mô - tài chính - chứng khoán được phát triển theo phương châm "toàn diện nền kinh tế - mọi góc độ doanh nghiệp". Không chỉ cung cấp cho nhà đầu tư bức tranh lớn mà còn phục vụ sát sườn cho từng nhu cầu riêng biệt của mỗi cá nhân.
- **Đấu trường chứng khoán (https://dautruong.vietstock.vn/):** Đấu trường Vietstock là sân chơi chứng khoán ảo được mô phỏng theo thị trường thật, sử dụng dữ liệu giá cổ phiếu thật và realtime. Hãy tham gia các cuộc đua chứng khoán ảo tại Đấu trường Vietstock để tập dợt trước khi bước vào thị trường thật đầy khốc liệt hay thử nghiệm các phương pháp đầu tư mới.

4.2. Hoạt động kinh doanh chính

TRUYỀN THÔNG – QUẢNG CÁO

Truyền thông, tiếp thị và quảng cáo thông qua các sản phẩm báo chí, social media, banner và các loại hình online khác. Truyền thông tài chính, tư vấn và triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) hướng đến tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

DỮ LIỆU TÀI CHÍNH

Dữ liệu vĩ mô, tài chính, chứng khoán theo tiêu chí chính xác, cập nhật và đầy đủ; phù hợp với nhu cầu dữ liệu lớn để tích hợp hệ thống, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số, phát triển platform, công cụ phân tích đầu tư hoặc nhu cầu chuyên biệt của giới học giả.

ĐÀO TẠO CHỨNG KHOÁN

Vietstock có hơn 13 năm kinh nghiệm về đào tạo phân tích và đầu tư chứng khoán. Các khóa học trang bị cho nhà đầu tư kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, chú trọng khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

ẤN PHẨM TÀI CHÍNH

- Lịch Công bố thông tin trên TTCK
- Sách Phân tích kỹ thuật từ A đến Z
- Sách Vai trò của IR trong việc tối đa hóa giá trị doanh nghiệp

4.3. Sản phẩm dịch vụ
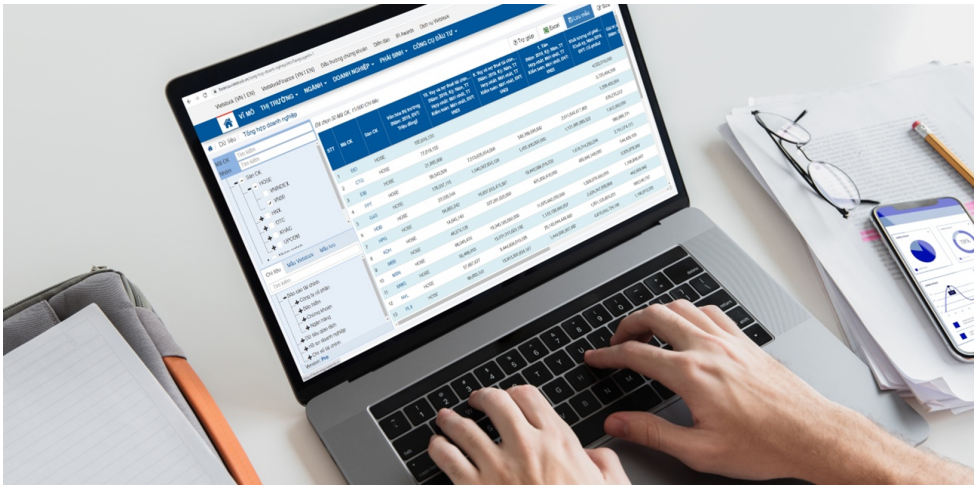
Dành cho App & Web	Dành cho người dùng cuối
DataFeed Dữ liệu tài chính tích hợp theo yêu cầu	**VietstockFinance** Dữ liệu tài chính và công cụ đầu tư chứng khoán trên nền web
InvestOnline Website phân tích và tra cứu chứng khoán thuê ngoài	**VietstockUpdater** Ứng dụng cung cấp dữ liệu cho các phần mềm PTKT
IROnline Website IR/quan hệ cổ đông thuê ngoài	**VietstockXLS** Dữ liệu tài chính xuất excel theo yêu cầu
WebBuilder Phát triển website theo yêu cầu